

381.109 597 7

ĐC

CH 460 Ơ

LÊ QUANG CẦN

# CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ MỘT GÓC NHÌN

(SÁCH CHUYÊN KHẢO)



NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

**TS LÊ QUANG CẦN**

**CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ**  
**- MỘT GÓC NHÌN**  
*SÁCH CHUYÊN KHẢO*

2019/ĐC/VL

001629

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019**

---

**SÁCH CHUYÊN KHẢO  
CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ MỘT GÓC NHÌN**

**LÊ QUANG CÀN**

Bản tiếng Việt ©, NXB ĐHQG-HCM và TÁC GIẢ.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

**ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CÂN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!**

## LỜI GIỚI THIỆU

Còn nhớ, vào một buổi chiều thứ bảy, cách đây gần 10 năm, trong quán cơm bình dân ở đường An Dương Vương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, khi tôi đề nghị Cần tiếp cận, nghiên cứu về chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai và cả Đông Nam Bộ dưới góc độ liên ngành, nhất là từ góc độ nghiên cứu lịch sử, Cần hơi ngạc nhiên. Nhưng, thấy tôi không quan tâm đến việc Anh muốn hay không muốn mà chỉ say sưa nói về những điều thú vị, hấp dẫn, những điều mới lạ, những khoảng trống,... khi nghiên cứu về chợ, Cần im lặng, chấp nhận theo cách: “*Duyên thầy đã định biết làm sao*”.

Trăn trở, lo lắng với hướng nghiên cứu mới, Cần âm thầm, lặng lẽ đi đến nhiều làng, xã, quận, huyện, thị thành ở Biên Hòa, Đồng Nai cũng như các tỉnh thành khác ở miền Đông Nam Bộ để quan sát, ghi chép, phỏng vấn, điều tra xã hội học,... thu thập tư liệu về chợ làng xã, chợ phủ, huyện, thị, thành hay chợ vùng ven biển, chợ vùng biên giới, chợ nông sản, chợ hải sản,... Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, thư viện Nguyễn Thúc Hào của Trường Đại học Vinh,... cũng là nơi Cần thường xuyên tìm đến để có cơ hội tìm hiểu, học hỏi từ những công trình, bài viết về chợ ở Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Đồng bằng Bắc Bộ của những người đi trước. Say mê, miệt mài học tập; quả ngọt đầu tiên mà Cần được hưởng sau bao vất vả khó khăn chính là việc bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ Lịch sử với đề tài: “*Chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1698 đến năm 1945*”.

Mỗi duyên tình sâu nặng với Chợ ở miền Đông Nam Bộ thôi thúc Lê Quang Cần tiếp tục trong cuộc hành trình đầy khó khăn, thử thách nhưng cũng đầy thú vị, hấp dẫn nhằm tái hiện lại bức tranh đa chiều về quá trình hình thành, phát triển của các

loại hình chợ ở miền Đông Nam Bộ, nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, toàn diện về vai trò, ảnh hưởng của chợ đối với đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của các thế hệ cư dân trên vùng đất miền Đông với bề dày văn hóa - văn minh, giàu truyền thống yêu nước, cách mạng suốt bao thế kỷ qua.

Ngoài việc bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ lịch sử với đề tài: “*Chợ ở miền Đông Nam Bộ từ năm 1975 đến năm 2010*” (do tôi và PGS.TS Hồ Sơn Đài hướng dẫn); Lê Quang Cần đã gửi đăng hơn 40 bài viết có nội dung liên quan đến chợ ở Biên Hòa - Đồng Nai và miền Đông Nam Bộ tại các Tạp chí Trung ương, Tạp chí địa phương, các Hội thảo khoa học quốc tế, Hội thảo khoa học toàn quốc,... Cuốn sách nhỏ trên tay các bạn giới thiệu 23 bài viết với cách tiếp cận, nguồn tư liệu, nội dung khác nhau từ góc nhìn về chợ của một người giảng dạy, nghiên cứu lịch sử. Đây chưa phải là một công trình nghiên cứu Sử học toàn diện, có hệ thống về chợ ở miền Đông Nam Bộ và bức tranh về chợ ở miền Đông Nam Bộ vẫn còn nhiều khoảng trống cần phải tiếp tục nghiên cứu, khóa lấp cả trước mắt cũng như lâu dài không chỉ từ phương diện Sử học mà cả phương diện Dân tộc học, Xã hội học, Nhân học, Kinh tế học, Văn hóa học, v.v. Tác giả cũng chưa hẳn đã chín chu khi lựa chọn 23 bài viết để in thành cuốn sách nhỏ này, bởi đọc kỹ người ta có thể nhận ra những hạt sạn trong ngôn từ hay trong diễn giải, đánh giá, kết luận, nhận xét,... Nhưng điều quan trọng nhất là người đọc có thể cảm nhận đầy đủ cái tâm của người viết đối với chợ, rộng hơn là với quê hương Biên Hòa - Đồng Nai và cả miền Đông Nam Bộ được Lê Quang Cần thể hiện trong từng trang sách. Đây chính là phần thưởng lớn nhất nằm ngoài sức tưởng tượng của tác giả nhưng đó cũng chính là sự gửi gắm, là sự mong đợi của mọi người đối với chính tác giả trên bước đường tìm hiểu khám phá về chợ nói riêng, quê hương Đông Nam Bộ nói chung, bất luận là từ góc độ sử học hay góc độ liên ngành.

Hy vọng quý độc giả gần xa đón nhận công trình: “*Chợ miền Đông Nam Bộ - Một góc nhìn*” của Lê Quang Cần như

đón nhận một món quà nặng nghĩa ân tình của tác giả đối với quê hương. Và, nếu trong công trình này vẫn còn những thiếu sót, hạn chế thì sự góp ý chân thành của quý vị cũng chính là phần thưởng mà tác giả nhận được trên bước đường tập làm quen khi nghiên cứu về chợ - một mảng đề tài rất gần gũi với mọi người, mọi nhà từ xưa tới nay nhưng lại ẩn chứa nhiều thách thức, khó khăn khi tiếp cận nó từ góc độ khoa học Lịch sử nói riêng và các ngành khoa học khác nói chung.

*Nghệ An, tháng 12, năm 2018*

**PGS.TS Nguyễn Quang Hồng**

**Viện Sử phạm Xã hội - Trường Đại học Vinh**

# LỜI NÓI ĐẦU

Chợ truyền thống, chợ hiện đại dưới hình thức siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, mua bán online,... ở miền Đông Nam Bộ là một bộ phận quan trọng cấu thành mạng lưới giao thương hàng hóa, thúc đẩy sản xuất kinh tế, mở rộng phát triển thị trường trao đổi, mua bán nhằm phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Chợ là nơi hội tụ và cung ứng hàng hóa nông - lâm - thủy hải sản, thủ công nghiệp, công nghiệp... đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ tại chỗ, các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,... Chợ ở miền Đông Nam Bộ phát triển rất nhanh thời kỳ đất nước cải cách mở cửa, hội nhập khu vực và thế giới.

Ngày nay, chợ trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học như Lịch sử, Dân tộc học, Xã hội học, Kinh tế học, Đô thị học,...góp phần đánh giá thấu đáo vị trí, vai trò của chợ đối với phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung, ở miền Đông Nam Bộ nói riêng. Nghiên cứu về chợ giúp Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, chính quyền các cấp ở địa phương cả nước và miền Đông Nam Bộ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển chợ phù hợp đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh tế, giao thương hàng hóa; giao lưu, tiếp biến, lan tỏa văn hóa của vùng miền, khu vực và thế giới trong xu thế toàn cầu hóa thế kỷ XXI.

Trên cơ sở nguồn tư liệu lưu trữ, điền dã thực hiện luận văn thạc sĩ "*Chợ Biên Hòa - Đồng Nai từ năm 1698 đến năm 1945*" và luận án tiến sĩ "*Chợ ở miền Đông Nam Bộ từ năm 1975 đến năm 2010*", tác giả đã viết bài tham gia các hội thảo cấp trường, quốc gia, quốc tế từ miền Nam đến miền Bắc; các tạp chí, thông tin khoa học của địa phương và Trung ương với chủ đề về "Chợ" qua nhiều góc nhìn khác nhau. Từ 40 bài viết đã công bố, tác giả biên tập thành 23 bài viết trong quyển sách: "*Chợ ở miền*

*Đông Nam Bộ - Một góc nhìn*” (sách chuyên khảo). Tập sách này sẽ giúp quý độc giả tiếp cận khá đa chiều về chợ ở miền Đông Nam Bộ với sự hình thành và phát triển; chợ với nghiên cứu nhân học sinh kế, chợ với văn hóa biển, chợ với giao lưu và tiếp biến văn hóa, chợ làng xã, chợ trong phát triển thương mại và hội nhập, chợ với cộng đồng ASEAN, chợ với đô thị, chợ với dân cư và phát triển kinh tế - xã hội, chợ với xây dựng nông thôn mới, chợ với vai trò của phụ nữ, tập tục cúng chợ, chợ từ bao cấp đến đổi mới và hội nhập,...

Quá trình nghiên cứu, biên soạn tập sách này chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, kính mong quý độc giả, các nhà nghiên cứu đóng góp ý kiến để tác giả ngày một hoàn thiện hơn khi nghiên cứu về đề tài rất đỗi thân quen: “Chợ”.

*Tác giả*

*Lê Quang Cần*

# MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU .....	iii
LỜI NÓI ĐẦU.....	vii
<b>1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ .....</b>	<b>1</b>
1.1. Khái quát về miền Đông Nam Bộ.....	1
1.2. Sự hình thành, phát triển chợ ở miền Đông Nam Bộ .....	2
1.3. Vai trò của hệ thống chợ đối với kinh tế - xã hội.....	13
1.4. Kết luận.....	14
<b>2. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI TÂM LÝ MUA SẮM CỦA NGƯỜI DÂN ĐÔ THỊ (1975 - 2015).....</b>	<b>16</b>
2.1. Sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập.....	16
2.2. Chợ truyền thống đối với sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị .....	20
2.3. Chợ hiện đại .....	28
2.4. Một vài nhận xét.....	32
<b>3. NHÀ BÈ - CHỢ NỎI MIỀN ĐÔNG NAM BỘ .....</b>	<b>34</b>
<b>4. VAI TRÒ CỤ LAO PHÓ ĐỐI VỚI CHỢ Ở BIÊN HÒA TỪ CUỐI THẾ KỶ XVII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XVIII.....</b>	<b>41</b>
<b>5. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI VĂN HÓA BIỂN .....</b>	<b>48</b>
5.1. Khái niệm văn hóa biển.....	48
5.2. Khái quát vùng ven biển miền Đông Nam Bộ.....	50
5.3. Chợ với văn hóa biển .....	54
5.4. Nhận xét.....	61
<b>6. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ - NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC SINH KẾ .....</b>	<b>63</b>
6.1. Sinh kế của người dân ở chợ qua lược sử.....	63
6.2. Sinh kế từ chợ qua sự thay đổi thể chế chính sách .....	71

<b>7. CHỢ Ở BÀ RỊA - VŨNG TÀU TRONG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ HỘI NHẬP CHÂU Á .....</b>	<b>82</b>
7.1. Khái quát thương mại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu .....	82
7.2. Các hiệp định thương mại song phương giữa Việt Nam và đối tác châu Á .....	84
7.3. Chợ truyền thống.....	85
7.4. Chợ hiện đại .....	93
7.5. Một vài nhận xét.....	98
<b>8. CHỢ Ở BÌNH DƯƠNG TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN HỘI NHẬP (1986 - 2016) .....</b>	<b>100</b>
8.1. Khái quát về tỉnh Bình Dương .....	100
8.2. Sự thay đổi cơ chế chính sách đối với hoạt động chợ truyền thống .....	102
8.3. Chợ truyền thống.....	106
8.4. Chợ hiện đại .....	114
8.5. Một vài nhận xét.....	116
<b>9. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI .....</b>	<b>118</b>
9.1. Chợ nông thôn mới ở miền Đông Nam Bộ .....	118
9.2. Tác động hệ thống chợ nông thôn mới đối với kinh tế, xã hội .....	130
9.3. Kết luận.....	132
<b>10. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI CỘNG ĐỒNG ASEAN .....</b>	<b>133</b>
10.1. Tác động khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và sự hình thành cộng đồng ASEAN đến chợ ở miền Đông Nam Bộ .....	133
10.2. Chợ truyền thống .....	136
10.3. Chợ hiện đại .....	146
10.4. Vai trò của chợ đối với kinh tế, văn hóa, xã hội .....	148
10.5. Một vài nhận xét .....	151

<b>11. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI GIAO LƯU VÀ TIẾP BIẾN VĂN HÓA .....</b>	<b>154</b>
11.1. Cơ sở giao lưu và tiếp biến văn hóa.....	154
11.2. Thời Nguyễn .....	157
11.3. Thời thuộc Pháp và Việt Nam Cộng hòa .....	163
11.4. Thời kỳ sau năm 1975 đến năm 1986.....	168
11.5. Thời kỳ đổi mới và hội nhập.....	172
11.6. Một vài nhận xét .....	176
<b>12. CHỢ TRUYỀN THỐNG VỚI ĐÔ THỊ MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TỪ 1986 ĐẾN 2015 .....</b>	<b>179</b>
12.1. Nhân tố hình thành đô thị.....	179
12.2. Chợ truyền thống với đô thị trước năm 1986.....	181
12.3. Chợ truyền thống với đô thị (1986 - 2015) .....	187
12.4. Sự tác động của chợ truyền thống đối với đô thị .....	197
12.5. Một vài nhận xét .....	200
<b>13. CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI DÂN CƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2015.....</b>	<b>202</b>
13.1. Dân cư miền Đông Nam Bộ.....	202
13.2. Chính sách phát triển chợ .....	207
13.3. Tác động của chợ đối với dân cư và phát triển kinh tế - xã hội.....	226
13.4. Một vài nhận xét .....	228
<b>14. NGHIÊN CỨU CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ QUA TƯ LIỆU CỦA NGƯỜI PHÁP .....</b>	<b>230</b>
14.1. Nhân tố thúc đẩy phát triển hệ thống chợ.....	230
14.2. Sự phát triển hệ thống chợ.....	234
14.3. Kết luận.....	239
<b>15. PHỤ NỮ VỚI CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TRONG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN (1975 - 2015).....</b>	<b>240</b>
15.1. Phụ nữ với chợ ở miền Đông Nam Bộ thời bao cấp (1975-1986).....	240

15.2. Vai trò của phụ nữ với chợ ở miền Đông Nam Bộ trong hội nhập và phát triển (1986 - 2015).....	243
15.3. Vai trò của phụ nữ trong thúc đẩy kinh tế hàng hóa ở chợ miền Đông Nam Bộ phát triển.....	249
15.4. Một vài nhận xét .....	251
<b>16. RÁC THẢI Ở CHỢ TRUYỀN THỐNG VỚI VẤN ĐỀ NGẬP NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (1975 - 2015).....</b>	<b>253</b>
16.1. Khái quát chợ ở Thành phố Hồ Chí Minh (1975-2015).....	253
16.2. Rác thải ở chợ truyền thống với vấn đề ngập nước .....	254
16.3. Một số giải pháp khắc phục rác thải ở chợ truyền thống.....	262
<b>17. TẬP TỤC CÚNG CHỢ Ở ĐỒNG NAI.....</b>	<b>265</b>
17.1. Lễ cúng chợ Bến Cá.....	265
17.2. Lễ cúng chợ Đại Phước .....	270
17.3. Lễ cúng chợ Long Thọ .....	272
17.4. Kết luận.....	275
<b>18. CHỢ LÀNG XÃ BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI XƯA .....</b>	<b>277</b>
18.1. Sự hình thành làng xã .....	277
18.2. Đặc điểm chợ làng xã ở Biên Hòa - Đồng Nai .....	292
18.3. Kết luận.....	294
<b>19. CHỢ Ở SÀI GÒN - GIA ĐỊNH THỜI NGUYỄN .....</b>	<b>296</b>
19.1. Nhân tố thúc đẩy chợ ra đời ở Sài Gòn - Gia Định .....	296
19.2. Chợ ở Sài Gòn - Gia Định xưa.....	299
19.3. Tác động đối với kinh tế, văn hóa và xã hội .....	306
19.4. Kết luận.....	309
<b>20. CHỢ TRUYỀN THỐNG Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TỪ BAO CẤP ĐẾN ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP (1975 - 2016).....</b>	<b>310</b>
20.1. Chợ miền Đông Nam Bộ thời kỳ bao cấp (1975 - 1985) ....	310
20.2. Chợ ở miền Đông Nam Bộ thời kỳ đổi mới và hội nhập (1986 - 2016).....	321
20.3. Một số nhận xét.....	329

<b>21. ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI HOA TRONG BUÔN BÁN Ở CHỢ TRUYỀN THỐNG NAM BỘ.....</b>	<b>331</b>
21.1. Khái quát về người Hoa ở Nam Bộ .....	331
21.2. Ứng xử của người Hoa trong buôn bán ở chợ truyền thống Nam Bộ .....	334
21.3. Kết luận.....	345
<b>22. VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CHỢ TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG HIỆN NAY .....</b>	<b>346</b>
22.1. Khái quát về tỉnh Bình Dương .....	346
22.2. Doanh nghiệp tư nhân đầu tư phát triển chợ truyền thống .....	347
22.3. Vai trò của doanh nghiệp tư nhân đối với sự phát triển chợ truyền thống .....	351
22.4. Kết luận.....	354
<b>23. PHÁT HUY VAI TRÒ DÂN CHỦ CỦA TIỂU THƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN CHỢ TRUYỀN THỐNG Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ (1975 - 2015).....</b>	<b>356</b>
23.1. Sự phát triển chợ truyền thống.....	356
23.2. Thực trạng sự hoạt động kém hiệu quả của chợ truyền thống .....	364
23.3. Một số giải pháp khắc phục việc chợ truyền thống hoạt động kém hiệu quả .....	371
23.4. Kết luận.....	376
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>378</b>

---

# 1

---

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ\*

### 1.1. Khái quát về miền Đông Nam Bộ

Miền Đông Nam Bộ thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích 23590,7km<sup>2</sup>, dân số 16127,8 nghìn người, mật độ dân số 684 người/km<sup>2</sup> vào thời điểm năm 2015<sup>1</sup>. Miền Đông Nam Bộ có 6 tỉnh thành: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Miền Đông Nam Bộ tiếp giáp: phía Bắc - Tây Bắc giáp Campuchia, phía Nam giáp biển Đông, phía Tây giáp Đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông - Đông Nam giáp Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Ngược thời gian trở về quá khứ, miền Đông Nam Bộ là điểm dừng chân đầu tiên của lưu dân Việt, Hoa và các tộc người khác trên bước đường “tha phương cầu thực” mở nước về phương Nam. Từ đầu thế kỷ XVII, di dân người Việt đến khai phá và định cư ở vùng ven biển, ven sông và trở thành chủ nhân của khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng, Nam Bộ nói chung. Vì vậy, “Bà Rịa là ở đầu biên giới trấn Biên Hòa, là đất có danh

---

\* Hội thảo Quốc tế do Trường Đại học KHXH&NV TP HCM tổ chức vào 01/2016, ISBN: 978-604-73-3751-4

<sup>1</sup> Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám Thống kê*, NXB Thống kê, tr.86

tiếng, cho nên các phủ ở phía Bắc có câu ngạn rằng: “Com Nai Rịa, cá Rí Rang” là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ cũng ở vào trong đó”. Đất này dựa lưng vào núi, quay mặt ra biển, rừng rậm tre cao, trên có tuần trường để chiêu dụ bọn man - mạch đến đổi chác, dưới có quan - tãn xem xét ghe thuyền lúc đi ra biển. Đường trạm thủy lục giao thông, thổ sản núi rừng cung cấp. Chế ngự Đê - Man phòng ngừa đạo tặc, có huyện nha đạo phủ chia giữ nhiệm vụ, vẫn là địa hạt xung yếu nhất”<sup>2</sup>.

Khi dân cư miền Đông Nam Bộ ngày một đông đúc, hệ thống chợ ven biển, ven sông, ven kênh rạch, ven đường giao thông hình thành ngày một nhiều nhằm thỏa mãn nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân. Chợ nơi này trở thành cầu nối cung ứng, tiêu thụ, trao đổi hàng hóa nhộn nhịp, sầm uất được ca dao Nam Bộ ngợi ca: “Đạo nào vui bằng đạo đi buôn/xuống biển lên nguồn gạo chợ nước trong”<sup>3</sup>. Đến năm 2015, miền Đông Nam Bộ có 761 chợ truyền thống đặt dưới sự quản lý của Nhà nước và các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Song trên thực tế, số lượng chợ tự phát nằm ngoài sự quản lý trực tiếp của Nhà nước, tổ chức kinh doanh thương nghiệp còn nhiều hơn<sup>4</sup>.

## 1.2. Sự hình thành, phát triển chợ ở miền Đông Nam Bộ

### 1.2.1. Chợ Biên Hòa

Năm Gia Long thứ 6 (1808), dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa. Năm 1832, tỉnh Biên Hòa thành lập. Năm 1976,

---

<sup>2</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Tập thượng, Quyển I và II, NXB Văn hóa - Phú quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, tr.35; Xem thêm Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1 (Phiên dịch: Nguyễn Ngọc Tinh, hiệu đính: Đào Duy Anh), Viện Khoa học xã hội Việt Nam, NXB Giáo dục, tr.165

<sup>3</sup> Ngô Văn Lệ (2009), *Văn hóa người Việt Nam Bộ: Truyền thống và biến đổi*, in trong kỷ yếu khoa học lần thứ 2 (5/2009), *Mấy vấn đề lịch sử xã hội - đề án khoa học xã hội cấp nhà nước - Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*, tr.348

<sup>4</sup> Lê Quang Cần (2015), *Chợ ở miền Đông Nam Bộ trong phát triển và hội nhập (1975-2015)*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: 40 năm thống nhất đất nước với công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế (1975-2015), Hội thảo khoa học quốc tế do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức 27/4/2015, tr.532

tỉnh Đồng Nai thành lập với thành phố Biên Hòa là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Theo nhiều nhà nghiên cứu, địa danh Biên Hòa nghĩa là: Biên được hiểu là chỗ giáp giới bờ cõi. Hòa được hiểu là hòa hiếu, hòa thuận, hòa bình. Địa danh Biên Hòa ra đời với ý nghĩa mong muốn, hy vọng vùng đất mới được trấn giữ chắc chắn, bình yên, hòa thuận của cư dân nơi đây.

Điều kiện tự nhiên vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai thuận lợi đối với sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và khai thác lâm thổ sản. Hệ thống chợ nơi đây hình thành ngày một nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu người dân trên vùng đất mới. Chợ Biên Hòa ngày nay có nhiều tên gọi qua lịch sử: “Chợ Lộc Dã ở phía Nam hạ lưu sông Phước Long, huyện Phước Chánh, nguyên xưa kia là cánh đồng hươu nai ở nên đặt tên ấy, hoặc gọi là Lộc Động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là ở chỗ này”<sup>5</sup>. Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh kinh lý đất Nam Bộ lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên và chợ Đồng Nai gọi là chợ Dinh.

Năm 1832, năm Minh Mạng thứ 13, tỉnh Biên Hòa được thành lập trên cơ sở dinh Trấn Biên và chợ Dinh được gọi là chợ Biên Hòa. Như vậy, chợ Lộc Dã, chợ Lộc Động, chợ Đồng Nai, chợ Dinh, chợ Biên Hòa cùng một địa danh phím chỉ. Chợ Biên Hòa giữ vai trò cầu nối trao đổi hàng hóa của hệ thống chợ vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Hàng hóa trao đổi mua bán của chợ Biên Hòa khá phong phú với “các loại vải, lãnh, là nơi nào cũng có, duy ở huyện Phước An có lãnh đen mềm lãnh là tốt đệ nhất trong cả nước. Rượu ở Thạch Than (Biên Hòa) ngon hơn nhiều nơi khác, thuở ấy ghe tàu thường mua chở về kinh đô làm quà tặng, hảo danh là rượu Đồng Nai. Giấy bản ở huyện Phước An, thuốc Lào ở huyện Long Thành, lá buông ở huyện Phước Bình, vỏ gai và thuộc nhựa trám ở huyện Long Khánh, sáp và mật ong ở các sóc người dân tộc, đệm buồm ở các huyện Nghĩa An và Long Khánh,... Các mặt hàng thủ công mỹ nghệ: đồ vàng bạc,

---

<sup>5</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, tập 2, NXB Lao động, tr.1651

đồ gốm, chiếu,... Các lâm sản: nhung hươu, sừng tê, trầm hương, kỳ nam, dược liệu, ngà voi...”<sup>6</sup>. Hoạt động trao đổi hàng hóa ở chợ Biên Hòa diễn ra tập nập người mua kẻ bán đến từ chợ huyện, chợ làng xã. Hình ảnh nhộn nhịp bán buôn hàng hóa dần dà đi vào ca dao dân gian với sự so sánh dí dỏm: “*Đố anh con rết mấy chân/Cầu ô mấy nhịp/Chợ Dinh mấy người*” hay “*Chị hươu đi chợ Đồng Nai/Ghé qua Bến Nghé, còn nhai thịt bò...*” hay “*Chợ Biên Hòa đèn mờ đèn tỏ/Anh coi không rõ anh tưởng đèn màu*”.

Năm 1923, đô thị Biên Hòa đã trở thành thị xã sầm uất được mô tả: “Biên Hòa, tỉnh lỵ, cách Sài Gòn 30km, ở bờ trái sông Đồng Nai, dân cư khoảng 3.200 người (làng Bình Trước); cả thị xã gần 5.000 người. Thị xã nhỏ này là một trong những thị xã đẹp nhất Nam Kỳ. Nằm lẫn dưới các tàn cây bờ sông Đồng Nai đầy cây cối...”<sup>7</sup>. Vì vậy, chợ Biên Hòa thời kỳ này được mở rộng về quy mô, hàng hóa buôn bán khá đa dạng có nguồn gốc địa phương, các nước phương Tây,... mà chủ yếu từ Pháp nhằm đáp ứng nhu cầu người dân đô thị.

Năm 1929, chợ Biên Hòa được xây dựng kiên cố với cột xi măng, mái lợp tôn, chia quầy sạp/kios buôn bán chuyên môn hóa sản phẩm như quầy sạp/kios tạp hóa, rau quả, thịt cá gần mé sông,... tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động trao đổi hàng hóa bằng đường thủy sông Đồng Nai ngày một tăng nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân của địa phương và các vùng phụ cận. Khi hoạt động mua bán hàng hóa của chợ Biên Hòa ngày một sung túc, chính quyền thực dân Pháp tiến hành thu thuế môn bài, chủ yếu của tiểu thương buôn bán ở chợ được địa chí Đồng Nai ghi nhận: “Cuốn sách Đất Nam Kỳ thuộc Pháp năm 1879 của phòng Canh nông và Kỹ nghệ Nam Kỳ (xuất bản năm này) cho biết đã thu thuế môn bài của 1005 hộ kinh doanh ở Biên Hòa, trong đó: 3 hộ nộp thuế hạng 1 tới 1.000fr/năm; 2 hộ nộp thuế hạng 2 tới 600fr/năm; 55 hộ nộp thuế hạng 3 tới 400fr/năm; 2 hộ

---

<sup>6</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (2001), *Địa chí Đồng Nai, tập 4*, NXB Đồng Nai, tr.211

<sup>7</sup> M. Robert (1923), *Địa chí tỉnh Biên Hòa*, Nguyễn Yên Tri dịch từ tiếng Pháp, lưu trữ tại bảo tàng Đồng Nai - Ký hiệu tài liệu: BT ĐN/CS5.1, tr.45

nộp thuế hạng 4 tới 200fr/năm; 8 hộ nộp thuế hạng 5 tới 100fr/năm; 528 hộ nộp thuế hạng 6 tới 50fr/năm; 336 hộ nộp thuế hạng 7 tới 25fr/năm; 71 hộ nộp thuế hạng 8 tới 12,5 fr/năm”<sup>8</sup>. Với số thuế môn bài được giới buôn bán nói chung, tiểu thương chợ Biên Hòa nói riêng nộp cho chính quyền địa phương, đã phản ánh mức độ hoạt động sôi nổi hay tẻ nhạt về trao đổi hàng hóa của chợ tỉnh, chợ huyện, chợ làng xã. Quy mô hoạt động của chợ ở tỉnh Biên Hòa được sắp xếp theo thứ tự: “Chợ Dinh ở tỉnh lỵ Biên Hòa (chợ Biên Hòa), chợ Thủ Đồn Sứ, chợ Bến Cá, chợ Đồng Ván, chợ Bến Gỗ, chợ Đồn, chợ Mới (Nhị Hòa), chợ Mới (Phước Long), chợ Rạch Giồng, chợ Đồng Môn, chợ Cây Đào, chợ Cây Da, chợ Dỏ Sa, chợ Cẩm Vinh, chợ Bỏ Mua,... Có thể nhà chức trách hồi đó lược bỏ không ghi một số chợ làng, chợ xóm, chợ chòm hòm quá nhỏ”<sup>9</sup>. Qua dẫn chứng này, chợ Dinh hay chợ Biên Hòa là trung tâm thương mại lớn nhất tỉnh Biên Hòa thời bấy giờ. Hàng hóa trao đổi ở chợ Biên Hòa nói riêng, cả tỉnh nói chung khá đa dạng, phong phú với “thuốc lá, song mây, dầu chai, nhựa, dầu phộng, gỗ, củi, than củi, gỗ xây dựng, đồ gỗ tiện, đường, chiếu, lu hũ, bình cắm hoa, chén ăn cơm, gạch ngói, đá ong, đá móng nhà, lưỡi cày, chuông, chiêng, nồi đồng, cối xay, cà phê, trầu cau, măng cụt, dứa,... và một số năm sau là cao su sơ chế. Nhập cảng: dầu lửa, vải sợi, trà tàu, giấy, pháo, diêm, nhang thấp, cá khô, cá tươi, nước mắm,...”<sup>10</sup>. Một trong những địa phương có mối quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa khăng khít với chợ Biên Hòa là Chợ Lớn và Sài Gòn. Theo đó, “các thương nhân lớn ở tỉnh Biên Hòa phần lớn là người Hoa, có quan hệ chặt chẽ với các đại gia ở Chợ Lớn. Họ là những mắt xích trung gian của guồng máy thương mại có tổ chức chặt chẽ của người Hoa ở Nam Kỳ, mỗi sáng thường tụ hội ở một số quán để trò chuyện, trao đổi định giá mua bán hàng hóa từng ngày...”<sup>11</sup>. Trong giai đoạn (1955-1975), dưới thời kỳ chính quyền Sài Gòn trực tiếp quản lý, chợ

---

<sup>8</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (2001), tập 4, sdd, tr.213

<sup>9</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (2001), tập 3, sdd, tr.214

<sup>10</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (2001), tập 3, sdd, tr.214

<sup>11</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (2001), tập 4, sdd, tr.215

Biên Hòa tiếp tục giữ vai trò chợ quy mô cấp tỉnh chi phối đối với hoạt động luân chuyển hàng hóa hai chiều đến hệ thống chợ huyện, xã, phường đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

### ***1.2.2. Chợ Bà Rịa***

Theo nhiều nhà nghiên cứu, trước khi lưu dân Việt tới Bà Rịa, đây là địa bàn cư trú của người Khome, người Mạ, người S'tiêng, người Châu ro,... Theo Lê Hương (sách *Người Việt gốc Miên*, 1965) thì núi Bà Rịa được gọi là Phnom Châr. Malleret - học giả người Pháp khi nghiên cứu văn hóa Óc Eo đã giải thích địa danh Bà Rịa được gọi trại từ Barey của người Khmer vốn là một cái hồ ở Long Điền (tức Bàu Thành). Etienne Aymonier cho rằng địa danh Bà Rịa vốn là từ Pariya theo cách gọi của người Khmer. M. Pau Pelliot lại cho rằng Bà Rịa vốn là tên một xứ đất của Lục Chân Lạp là Baria. Đối với Mar Phoeun và Po Dharma chỉ ra Barea (Bà Rịa), Kapéáp Srêkatrey (Biên Hòa), Kompong Krâbei (Bến Nghé), Prey Nokor (Sài Gòn) là những địa danh theo cách gọi của người Chân Lạp trong thế kỷ XVI-XVII<sup>12</sup>. Như vậy, địa danh Bà Rịa (Mô Xoài) nhằm chỉ vùng đất khá rộng của thành phố Bà Rịa ngày nay. Vùng đất Bà Rịa nằm bên cửa sông lớn, gần biển nên sớm “trở thành nơi dừng chân của những lưu dân Việt sớm nhất, nếu không nói là đầu tiên so với các nơi khác ở phía Nam. Ngoài những đoàn lưu dân đến định cư và khai phá, thành lập làng xã còn có những đơn vị quân đội của chúa Nguyễn, sau những cuộc hành quân thường rút về trú đóng ở đây để luyện tập, sản xuất thêm lương thực vừa làm nhiệm vụ bảo vệ những lưu dân Việt”<sup>13</sup>. Xứ Mô Xoài - Bà Rịa là nơi mở đầu quá trình định cư, lập nghiệp đầu tiên của người Việt mở nước về phương Nam. Nơi đây có điều kiện tự nhiên ưu đãi, thủy sản từ biển dồi dào, đất đai thuận lợi canh tác, nguồn lâm thổ sản phong phú, nhanh chóng trở thành địa bàn tụ cư đông

---

<sup>12</sup> Dẫn theo <http://tunguyenhoc.blogspot.com/2012/09/nguon-goc-ia-danh-ba-ria-vung-tau-st.html>. (Truy cập ngày 21/10/2015)

<sup>13</sup> UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (2005), *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu*, NXB Khoa học xã hội, tr.19

đúc cư dân Việt. Vùng Mô Xoài có hai làng Việt được thành lập sớm là “Long Hương - Phước Lễ, những ngôi làng đầu tiên mà người Việt lập ra ở vùng đất này. Hai ngôi làng nằm dưới chân núi, núi ấy mang tên núi Mô Xoài. Hai làng nằm hai bên con sông, sông mang tên Mô Xoài”<sup>14</sup>. Khi dân cư hai làng ngày một đông đúc, hoạt động trao đổi hàng hóa diễn ra tại chợ Phước Lễ (chợ Bà Rịa) và Long Hương tăng dần. Nửa sau thế kỷ XVII, người Hoa đến định cư vùng đất Bà Rịa với “nhiều ngành nghề thủ công mới do người Hoa mang sang cũng được du nhập vào đây. Một hệ thống chân rết cơ sở kinh doanh của người Hoa lan tỏa về phía Mô Xoài, Bà Rịa đã tạo nên những trung tâm mua bán, chế biến hải sản, muối góp phần kích thích kinh tế nơi đây phát triển mạnh như Phước Lễ, Long Điền, Chợ Bến, Phước Hải...”<sup>15</sup>.

Ngoài ra, Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn đề cập: “Chợ Long Thịnh ở thôn Long Thịnh huyện Phước An, tục gọi là chợ Đò, nhà cửa san sát, nhóm chợ theo đường thủy và đường bộ; Chợ Hắc Lãng ở thôn Hắc Lãng huyện Phước An, gần đây có núi Bà Rịa, có tên là chợ Bà Rịa”<sup>16</sup>. Như vậy, ngay từ rất sớm chợ Bà Rịa đã ra đời ở vùng đất Bà Rịa và giữ vai trò mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ nhu cầu dân cư nơi đây.

Bước sang thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ XXI, hệ thống chợ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu góp phần quan trọng phát triển kinh tế, ổn định chính trị và xã hội. Hệ thống chợ truyền thống nói chung, chợ Bà Rịa nói riêng được chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm với định hướng phát triển chợ dân sinh “là loại hình thương mại chủ yếu trên địa bàn nông thôn của tỉnh trong thời kỳ đến năm 2020. Số lượng và tiến

---

<sup>14</sup> Nguyễn Đình Thống (2011), *Xứ Mô Xoài - địa điểm định cư lập làng đầu tiên của người Việt trên đất Nam Bộ*, Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, NXB Thế giới, tr.261

<sup>15</sup> UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (2005), *Địa chí Bà Rịa-Vũng Tàu*, NXB Khoa học xã hội, tr.22-23

<sup>16</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, tập 2, NXB Lao động, tr.1652,1653.

độ xây dựng chợ dân sinh ở mỗi thời kỳ sẽ căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng địa bàn và gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới,... Khi xác định địa điểm mở chợ dân sinh cần nghiên cứu, xem xét các chợ tạm đang hoạt động ở các xã, thôn hoặc mở chợ gắn với quy hoạch các khu dân cư mới, khu nhà ở thương mại”<sup>17</sup>.

Trong chiến lược phát triển hệ thống chợ truyền thống tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, chợ Bà Rịa giữ vai trò nòng cốt. Vì vậy, chính quyền địa phương đã “bỏ vốn đầu tư xây dựng trung tâm thương mại thị xã Bà Rịa để phục vụ đời sống kinh tế cho nhân dân, chợ chính trung tâm điều hòa trao đổi hàng hóa giữa nông thôn và thành thị, các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp và bách hóa tổng hợp từ các thành phố lớn đưa về, tạo ra một dịch vụ môi trường lành mạnh, hấp dẫn sức mua càng nhiều trong quần chúng nhân dân...”<sup>18</sup>. Quy mô trung tâm thương mại chợ Bà Rịa đã được tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt với tổng diện tích xây dựng 8.630m<sup>2</sup>. Theo đó, trung tâm thương mại chợ Bà Rịa được xây dựng 5 tầng với tổng diện tích sàn 23.258m<sup>2</sup> gồm 787 chỗ bán, với tổng vốn đầu tư ban đầu 68.563.747.000 đồng<sup>19</sup>. Khu vực chợ trung tâm với diện tích xây dựng 25.258m<sup>2</sup> với 953 kios. Khu nhà chợ tươi sống với tổng diện tích xây dựng 4.320m<sup>2</sup> với 518 ô sạp. Khu ăn uống với tổng diện tích xây dựng 1.058m<sup>2</sup> với 60 ô sạp. Hiện nay, chợ Bà Rịa được xếp vào chợ loại 1 với lượng hàng hóa trao đổi mỗi ngày hàng trăm tấn, giải quyết việc làm sinh kế cho hàng nghìn người dân tham gia buôn bán, trao đổi hàng hóa. Theo quan sát của chúng tôi, chợ Bà Rịa hoạt động mua bán rất sầm uất với số lượng người trao đổi hàng hóa mỗi ngày từ 3 đến 4 nghìn người. Trong số 86<sup>20</sup> chợ toàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thời điểm năm 2015, chợ Bà Rịa giữ vai

---

<sup>17</sup> UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (2014), Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống chợ tỉnh giai đoạn 2013-2025, tr.9.

<sup>18</sup> UBND thị xã Bà Rịa (1998), Báo cáo phương án hoàn vốn xây dựng chợ chính trung tâm thương mại thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tr.2

<sup>19</sup> UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (1996), Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 27/8/1996 về phê duyệt dự án đầu tư trung tâm thương mại thị xã Bà Rịa.

<sup>20</sup> Tổng cục Thống kê (2015), Niên giám thống kê, NXB Thống kê, tr.543

trò trung tâm mua bán hàng hóa lớn nhất tỉnh và góp phần phát triển thương nghiệp miền Đông Nam Bộ trong thời kỳ toàn cầu hóa kinh tế.

### 1.2.3. Chợ Bến Thành

Với bản chất cần cù, chịu thương chịu khó, thông minh sáng tạo, những lưu dân Việt khắc phục mọi khó khăn, gian khổ ban đầu với hình ảnh “*dưới sông sâu lội, trên rừng cọp um*”. Khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Nam Bộ, vùng đất Sài Gòn - Gia Định đã trở nên phát đạt dưới bàn tay của lưu dân Việt “*có sức người sỏi đá cũng thành cơm*”. Do đó, “có thể suy diễn là lưu dân Việt Nam đã tới khẩn hoang lập ấp trên địa bàn Sài Gòn từ trước 1674 lâu rồi. Sài Gòn khi ấy có lẽ đã trở thành một thị trấn tương đối quan trọng, mà việc cai trị đều do lưu dân tự quản”<sup>21</sup>. Trước khi lưu dân Việt đến Sài Gòn, nơi đây là vùng đất hoang vu, cư dân Khmer rất thưa thớt, kinh tế suy yếu. Tuy nhiên, “từ khi lưu dân Việt Nam tới, Sài Gòn lần lượt trở thành một bến sông, một phố chợ,... rồi một trung tâm hành chính chung cho toàn miền Nam đất nước. Vị trí của Sài Gòn được khẳng định ngay trong thời kỳ dân lưu tán tự phát, vị trí đó mỗi ngày thêm quan trọng và liên tục tăng trưởng”<sup>22</sup>.

Một trong nhiều ngôi chợ có thời gian hình thành lâu đời ở Sài Gòn trải qua bao nổi thăng trầm của lịch sử là chợ Bến Thành. Vùng đất Sài Gòn - Gia Định xưa với hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, việc đi lại bằng đường bộ khó khăn nên cư dân xưa nơi đây di chuyển chủ yếu bằng ghe, xuống với “chỗ nào cũng có ghe thuyền hoặc dùng thuyền làm nhà ở hoặc để đi chợ hay để đi thăm người thân thích hoặc chở gạo, củi đi buôn bán, rất tiện lợi, mà ghe thuyền chạt sông ngày đêm qua lại”<sup>23</sup>. Do điều kiện tự nhiên vùng bán sông nước, hoạt động trao đổi

---

<sup>21</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (1998), *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, tập 1, NXB TP Hồ Chí Minh, tr.215

<sup>22</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (1998), tập 1, sdd, tr.216

<sup>23</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thống chí*, tập hạ, dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, sdd, tr.15

hàng hóa diễn ra trên bến dưới thuyền, dễ rồi dần dà hình thành nên các chợ ven sông, ven kênh rạch, chợ Bến Thành không là ngoại lệ. Theo lý giải của Nguyễn Các Ngọc: Chợ Bến Thành có nguồn gốc từ ngôi chợ hình thành trên bờ sông Bến Nghé gần thành Quy (thành Bát Quái). Tuy nhiên, theo chúng tôi, thời gian bắt đầu hình thành chợ Bến Thành khó mà đoán định chính xác, chỉ biết khi dân cư vùng Bến Nghé ngày một đông đúc cũng là lúc chợ Bến Thành trở nên nhộn nhịp. Ngôi chợ tiền thân chợ Bến Thành ngày nay đã hình thành sớm trước khi có thành Quy. Có lẽ, tiền thân chợ Bến Thành là chợ Bến Nghé. Bởi vì, địa danh Bến Nghé xưa được hiểu bao gồm cả vùng đất quận 5, 6, 8 của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Sơn Nam lý giải Bến Nghé: “Bến là bến sông, dễ hiểu, vì đã có con sông khá rộng, đổ ra sông Đồng Nai ở Nhà Bè. Nghé là con trâu con. Bến nước mà bày trâu con đến tắm, uống nước với cậu bé chăn trâu,... Lắm người cho rằng nghé là tiếng con cá sấu kêu rống, lời giải thích này dễ chấp nhận; thời xưa, bờ sông hoang vắng, cá sấu từ biển Cần Giờ tới lui mé phía sông, ban đêm kêu lên, tiếng cá sấu kêu giống như tiếng trâu con gọi mẹ. Lặn hỏi, vì tàu thuyền tới lui, gây náo động, cá sấu rút lui về phía rừng ngập mặn, gần biển”<sup>24</sup>. Nơi này có con rạch lớn với nước chảy từ sông Sài Gòn đến kênh Ruột Ngựa, xuôi xuống miền Tây Nam Bộ mang tên rạch Bến Nghé. Theo Lê Trung Hoa: “Rạch Bến Nghé làm ranh giới giữa quận 1, 5, 4, 8 từ kênh Ruột Ngựa đến sông Sài Gòn, dài độ 12.500m. Đoạn giữa rạch này gọi là kênh Tàu Hủ. Cũng gọi là rạch Bình Dương vì chạy qua huyện Bình Dương ở đầu thế kỷ XIX. Vì rạch đổ ra Bến Nghé nên mang tên trên”<sup>25</sup>. Như vậy, địa danh Bến Nghé đã được định danh trước địa danh Bến Thành.

Theo lịch sử, thành Quy được xây dựng “năm Canh Tuất (1790), tại chỗ gò cao thôn Tân Khai thuộc huyện Bình Dương, vua thế tổ bắt đầu đắp thành Bát Quái hình như hoa sen, mở ra 8

---

<sup>24</sup> Sơn Nam (2014), *Sài Gòn xưa-Ấn tượng 300 năm và tiếp cận với đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Trẻ, tr.27-28

<sup>25</sup> Lê Trung Hoa chủ biên (2003), *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, tr.62

cửa, có 8 con đường ngang dọc, từ Đông đến Tây là 131 thước 2 thước, từ Nam đến Bắc cũng đồng như thế, bề cao 13 thước, dưới chân dày 7 thước 5 thước,...Ngoài thành, đường sá chợ phố ngang dọc bày la liệt đều có thứ tự”<sup>26</sup>. Khi thành Quy được xây dựng gần vị trí chợ Bến Nghé<sup>27</sup> với hoạt động buôn bán nhộn nhịp được người dân gọi tên chợ Bến Thành đến ngày nay. Cư dân tham gia hoạt động mua bán tại chợ Bến Thành nói riêng và cả vùng Bến Nghé nói chung khá đa dạng với nhiều thành phần tộc người, trong đó người Việt là nhiều nhất, được nhà nghiên cứu Huỳnh Lứa ghi nhận: “Lưu dân người Việt đến định cư và khai phá vùng Sài Gòn (Bến Nghé) từ rất sớm. Từ đầu thế kỷ XVII, người Việt đã đến định cư và khai phá vùng này. Họ cùng với cư dân địa phương - người Khmer khai phá các khu đất cao như khu vực kéo dài từ chợ Quán đến gò Cây Mai, Gò Vấp,...”<sup>28</sup>. Hoạt động mua bán tại chợ Bến Thành thời nhà Nguyễn được Trịnh Hoài Đức mô tả: “Phố chợ, nhà cửa trù mật, ở dọc theo bên sông. Chỗ đầu bên này có lẹ đến đầu mùa xuân gặp ngày tế mạ có thao diễn thủy binh, nơi bên có đò ngang chở khách buôn ngoài biển lên bờ. Đầu phía Bắc là ngòi Sa ngư, có gác cầu ván ngang qua, 2 bên nách cầu có dãy phố ngói, tụ tập trăm thứ hàng hóa, dọc bên sông ghe buôn lớn nhỏ đến đậu nối liền”<sup>29</sup>.

---

<sup>26</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập trung, quyển 3, dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, sdd, tr.74

<sup>27</sup> Khi dân cư vùng Bến Nghé ngày một đông đúc, nhu cầu trao đổi hàng hóa tất yếu hình thành và chợ Bến Nghé ra đời nhằm thỏa mãn quy luật cung cầu cho xã hội. Chợ thường được hình thành ở nơi điều kiện giao thông thuận lợi như ngã ba sông, ngã ba đường. Địa điểm ngã ba sông Sài Gòn và rạch Bến Nghé là nơi lý tưởng cho chợ hình thành. Với địa thế rất thuận lợi ở vàm Bến Nghé, có lẽ chợ Bến Nghé ra đời sớm hơn nhiều chợ khác trong vùng Sài Gòn như “*Chợ Tân Kiên cũng sung túc, ngày tế có du tiên, từ trước 1770. Chợ Phú Thọ (gọi chợ Nguyễn Thực) do Nguyễn Văn Thực lập 1727. Chợ Điều Khiển đánh dấu dinh quan Điều Khiển, lập năm 1731, chợ Thủ Thiêm lập năm 1751...*”. Khi chợ Bến Nghé (chợ Bến Thành) ra đời, không những phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa xung quanh vùng Bến Nghé mà còn giữ vai trò chợ đầu mối cho nhiều chợ ở vùng Sài Gòn như chợ Rẫy, Cầu Ông Lãnh, Bà Chiểu, Thủ Thiêm, chợ Lớn, Nguyễn Thực, Bến Sỏi, Thị Nghè, Cây Da Còm,...

<sup>28</sup> Huỳnh Lứa (cb) (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, NXB TP Hồ Chí Minh, tr.49-50

<sup>29</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập trung, quyển 3, dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, duyệt giả Nguyễn Đình Diệm, Nha văn hóa Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, tr.90; Xem thêm Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất*

Theo tài liệu, năm 1859, Pháp tấn công thành Sài Gòn, chợ Bến Thành bị cháy rụi. Năm 1860, chính quyền Pháp xây lại chợ Bến Thành bằng cột gạch, sườn gỗ, lợp lá (đường Nguyễn Huệ ngày nay). Năm 1870, chợ Bến Thành bị cháy một phần, chính quyền Pháp xây lại bằng cột gạch, sườn sắt; trong 5 gian nhà lồng, có 4 gian lợp ngói, gian hàng thịt lợp tôn, lót đá xanh. Năm 1911, trải qua 40 năm hoạt động, chợ Bến Thành ngày một xuống cấp về cơ sở vật chất, chính quyền Pháp quyết định dời chợ đến nơi rộng rãi, thuận lợi của sự phát triển đường bộ. Khu vực xây chợ Bến Thành ngày nay vốn là “ao sinh lầy cũ, gọi là ao Bò Rệt (Maarais Boresse), đã được lấp đi. Khuôn viên chợ mới được giới hạn bởi bốn mặt: Mặt tiền chợ ở hướng Nam nhìn ra công trường Cuniac (sau đổi tên là công trường Cộng hòa, công trường Diên Hồng, rồi công trường Quách Thị Trang ngày nay); mặt Bắc là đường d'Espagne; Đông là đường Viénot; Tây là đường Schroëder. Năm 1955, các con đường này được đổi tên thành Lê Thánh Tôn (cửa Bắc chợ), Phan Bội Châu (cửa Đông chợ), Phan Châu Trinh (cửa Tây chợ). Chợ Bến Thành khởi công xây dựng từ năm 1912 đến 1914 hoàn thành. Chợ mới được xây dựng bằng gạch chịu lực, bộ khung sắt; cột, kèo bằng bê tông, mái lợp ngói đỏ. Chợ có diện tích 13.000m<sup>2</sup>, có 16 cửa ra vào gồm 4 cửa chính và 12 cửa phụ...”<sup>30</sup>. Năm 1985, chợ Bến Thành được cải tạo và sửa chữa. Năm 1999, chợ được cải tạo hệ thống cấp thoát nước và thay mái ngói bằng tôn đỏ đến ngày nay. Hiện nay, chợ có 1.500 quầy sạp/kios phục vụ nhu cầu buôn bán của đông đảo tiểu thương có bề dày thời gian sinh kế nơi đây.

Ngày nay, chợ Bến Thành trở thành biểu tượng giao lưu thương nghiệp và văn hóa của thành phố mang tên Bác. Chợ Bến Thành không chỉ là nơi trao đổi mua bán hàng hóa, giao lưu

---

*thống chí*, Bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, tập 2, NXB Lao động, tr.1685; Văn hóa từng thư số 32 (1973), *Đại Nam nhất thống chí, lục tỉnh Nam Việt*, dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, tập thượng, NXB Nhà văn hóa phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa Sài Gòn, tr.88; Lê Trung Hoa (2003), *Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, tr.64.

<sup>30</sup> Nguyễn Các Ngọc (2014), *Chợ Bến Thành qua cuộc tram năm*, NXB Hội Nhà văn, tr.13

văn hóa của người dân trong nước mà còn là điểm đến tham quan hấp dẫn của du khách nhiều quốc gia trên thế giới. Khi đến chợ Bến Thành, du khách từ châu Á, châu Âu,... hầu như không cần có hướng dẫn viên. Phần lớn tiêu thương chợ Bến Thành học ngoại ngữ cơ bản tiếng Anh, Pháp, Nhật, Hàn, Hoa,... nhằm giao tiếp buôn bán với người nước ngoài, chủ yếu khách du lịch đến Sài Gòn. Trải qua thăng trầm biến đổi của thời gian, chợ Bến Thành thay đổi nhiều địa điểm, hình hài, truyền thống hài hòa giữa cổ kính và hiện đại đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế trong thế kỉ XXI.

### **1.3. Vai trò của hệ thống chợ đối với kinh tế - xã hội**

#### ***1.3.1. Đối với kinh tế***

Miền Đông Nam Bộ hình thành và phát triển hơn ba trăm năm qua với bao thay đổi theo thời gian. Hệ thống chợ nơi đây hình thành và phát triển gắn liền với sản xuất hoa lợi địa phương, giao thương kinh tế trong nước và thế giới. Khi mới thành lập, hệ thống chợ nơi đây có quy mô hoạt động nhỏ, nhưng theo thời gian, hệ thống chợ miền Đông Nam Bộ mở rộng dần quy mô buôn bán, phạm vi hoạt động từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu vùng xa, khu vực và thế giới.

Hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ góp phần thúc đẩy phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế của địa phương. Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế thương mại, hệ thống chợ truyền thống vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giữ vai trò quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã xác định tầm quan trọng hệ thống chợ miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung bằng nhiều văn bản mang tính pháp quy đối với chiến lược phát triển chợ trong từng giai đoạn cụ thể.

Năm 2015, hàng loạt hiệp định thương mại được ký kết giữa Việt Nam và nhiều đối tác có hiệu lực. Trong thời gian tới, nhiều loại hàng hóa sẽ giảm thuế xuất nhập khẩu, ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước. Vì thế, nguồn thu ngân sách

quốc gia trong thời gian tới sẽ tập trung từ sự phát triển kinh tế nội địa; trong đó, hệ thống chợ truyền thống miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung có nhiều đóng góp đáng kể.

### 1.3.2. Đối với xã hội

Từ xưa đến nay, chợ truyền thống là một phần văn hóa không thể thiếu hàng ngày của người dân Việt Nam. Chợ truyền thống là nét đẹp văn hóa ứng xử cộng đồng, là biểu hiện đặc điểm văn hóa của vùng miền. Chợ tạo nên nét đẹp phong tục tập quán, lời ăn tiếng nói văn minh lịch sự đối với dân cư miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung.

Hệ thống chợ miền Đông Nam Bộ là cầu nối quan trọng thúc đẩy giao lưu văn hóa các cộng đồng dân cư nơi đây, trong nước, khu vực và thế giới. Vùng đất miền Đông Nam Bộ trải qua bao nổi thăng trầm của lịch sử, chợ ở nơi này trở thành nhân chứng suốt chiều dài của sự thay đổi kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Ngoài vai trò trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế, chợ vừa là nơi bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống lại vừa là nơi giao lưu, tiếp biến và lan tỏa các giá trị văn hóa mới Hoa - Pháp - Mỹ,... Do đó, hoạt động của chợ truyền thống là một trong những nhân tố quan trọng định hình văn hóa miền Đông Nam Bộ nói chung, văn hóa Đồng Nai nói riêng trở thành “nền văn hóa có sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Đó cũng là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”<sup>31</sup>.

### 1.4. Kết luận

Hệ thống chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ đã hình thành và phát triển đến nay đã hơn 300 năm với nhiều đổi thay theo thời gian. Gắn liền quá trình sinh cơ lập nghiệp của lưu dân Việt, Hoa và các tộc người khác, hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ đã trở thành đòn bẩy thúc đẩy kinh tế phát triển góp

---

<sup>31</sup> Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Phan Xuân Biên (2005), *Văn hóa Đồng Nai (sơ thảo)*. NXB Đồng Nai, tr.3

phân ổn định tình hình chính trị, xã hội địa phương. Sự ra đời, phát triển hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ góp phần giao lưu, gìn giữ văn hóa truyền thống dân tộc. Đồng thời, qua hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ đã góp phần giao lưu, tiếp biến, lan tỏa văn hóa khu vực và thế giới.

Hiện nay, xu thế toàn cầu hóa thương mại diễn ra mạnh mẽ, hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ đứng trước nhiều vận hội và thách thức. Sự chủ động của Đảng, Nhà nước đối với phát triển hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung bằng nhiều cơ chế, chính sách phù hợp đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế khu vực và thế giới trong thế kỷ XXI.

---

# 2

---

## CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI TÂM LÝ MUA SẮM CỦA NGƯỜI DÂN ĐÔ THỊ (1975-2015)\*

### 2.1. Sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân thời kỳ đất nước đổi mới và hội nhập

Sự thành công của sự nghiệp đổi mới sau năm 1986 và hội nhập quốc tế năm 1995, kinh tế - xã hội nước ta đã có sự chuyển biến rất tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nói chung, cư dân đô thị nói riêng có sự chuyển biến rõ rệt. Gắn liền sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến trình đô thị hóa của nhiều tỉnh, thành cả nước nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng tăng nhanh đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới. Trong giai đoạn (1975-2015), tâm lý mua sắm của dân nói chung, thị dân nói riêng có sự chuyển biến mạnh mẽ từ hình thức “ngăn sông cấm chợ” mua sắm hàng hóa tiêu dùng phải xếp hàng chờ đợi, mua nhu yếu phẩm bằng tem phiếu theo định mức, hàng hóa thường kém chất lượng,... sang thời kỳ “tự do hóa thị trường” với hoạt động trao đổi hàng hóa nhộn nhịp của chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích,... đáp ứng nhu cầu người dân. Ở Việt Nam, có 34% dân số sống ở thành thị, đây là tỷ lệ thấp hơn nhiều so với 51% của Trung Quốc, 52% của

---

\* Hội thảo do Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức vào tháng 5/2017.

Indonesia, 91% của Nhật Bản. Đô thị hóa ở Việt Nam còn tăng mạnh và các thành phố lớn vẫn là vườn ươm của tầng lớp tiêu dùng mới. Các doanh nghiệp sẽ có thách thức thú vị là làm thế nào điều chỉnh mô hình tăng trưởng của mình trước lực cầu của người tiêu dùng để tham gia thị trường một cách trọn vẹn. Khảo sát tại 7 thành phố lớn của Việt Nam cho thấy phụ nữ bị tác động mạnh hơn so với nam giới trong các tác động tiêu dùng và họ gây ảnh hưởng trực tiếp lên hành vi tiêu dùng hàng ngày. Ví dụ họ có thể điều chỉnh chi tiêu rất nhanh chóng sau các thông tin tiêu cực từ truyền thông; họ thường cho điểm thấp hơn nam giới trước các câu hỏi về sự lạc quan tài chính gia đình. Theo ông Glenn B. Maguire, chuyên gia kinh tế trưởng, khu vực châu Á - Thái Bình Dương của Ngân hàng ANZ, hiện Việt Nam có khoảng 17 triệu người tiêu dùng trung lưu. Theo ước tính từ nay tới cuối thập kỷ sẽ tăng 2 triệu người/năm, lên 32 triệu người vào năm 2020. Họ sẽ gia tăng chi tiêu trong những lĩnh vực then chốt như hàng gia dụng, tiêu dùng cá nhân, phương tiện đi lại, dịch vụ tài chính, giáo dục,... Con số này sẽ tăng gấp đôi trong thập kỷ tới, lên khoảng 66 triệu người vào năm 2030, chiếm 66% dân số lúc đó. Như vậy, chỉ trong vòng 15 năm tới, Việt Nam sẽ có lực lượng trung lưu tương đương Hàn Quốc và Đài Loan hiện nay<sup>1</sup>. Theo các chuyên gia nghiên cứu thị trường; trước đây, tâm lý tiêu dùng của người Việt Nam đơn giản chỉ là mua những thương hiệu quen thuộc và đủ khả năng chi trả. Song, thời gian gần đây, xã hội ngày càng phát triển, trong nhóm trung lưu bắt đầu xuất hiện nhu cầu mua sắm các sản phẩm có uy tín, cao cấp hơn. Trong đó, ngành hàng tiêu dùng nhanh là cánh cửa đầu tiên giúp thỏa mãn tâm lý người tiêu dùng. Các nghiên cứu cho thấy, có tới 74% người tiêu dùng Việt Nam hiện đang có mức sống thoải mái và sẵn sàng “móc túi” chi tiêu cho những sản phẩm, dịch vụ nếu họ thích. Đời sống dân cao, tâm lý người tiêu dùng Việt Nam bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến vấn đề sức khỏe. Bằng chứng là càng ngày càng nhiều

<sup>1</sup> Theo thông tin trong bài thảo luận về “Sự trỗi dậy của tầng lớp tiêu dùng Việt Nam!” của Glenn B. Maguire, chuyên gia kinh tế trưởng, khu vực châu Á - Thái Bình Dương của ANZ. <https://www.theSaigonTimes.vn/119617/Phac-thao-%E2%80%9Cctinh-cach%E2%80%9D-nguoi-ticu-dung-Viet-Nam.html> (Ngày truy cập: 11/02/2017)

người quan tâm đến vấn đề giảm cân, tập thể dục, thay đổi chế độ ăn uống, thanh lọc cơ thể,...<sup>2</sup> đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần tăng cao.

Cuộc sống ngày càng chuyển biến nhanh hơn và cùng với các nhu cầu mới nổi, người Việt ngày càng có nhiều sự lựa chọn đối với việc mua sắm tiêu dùng. Kênh thương mại hiện đại ngày càng trở nên phổ biến vì số lượng cửa hàng đang tăng nhanh, dẫn đầu là các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị, trung tâm thương mại cũng như các chuỗi cửa hàng chuyên bán sản phẩm chăm sóc cá nhân. Theo Ông Roberto Butragueño - Phó Giám đốc, chuyên trách Khối các nhà bán lẻ, Nielsen Việt Nam nhận xét: “Quan điểm rằng việc mua sắm chỉ dành riêng cho phụ nữ đã không còn phù hợp trong bối cảnh hiện tại. Phụ nữ vẫn là đối tượng mua sắm hàng tạp hóa chủ yếu trong nhiều gia đình, nhưng ngày càng nhiều nam giới đóng vai trò chủ động hơn, đặc biệt là khi nói đến các sản phẩm không liên quan đến thực phẩm, hoặc nói đến các nhu yếu phẩm cần mua trong trường hợp khẩn cấp, cũng như mua sắm trong các dịp đặc biệt. Do đó, các chiến lược marketing cần phải tiếp cận một cách cân bằng hơn từ việc cải tiến, đổi mới sản phẩm cho đến các thông điệp truyền thông tiếp thị. Điều này đòi hỏi những hiểu biết sâu sắc hơn, thấu đáo hơn về việc mỗi giới tính nhìn và tiếp cận việc mua sắm như thế nào và đâu là khoảng cách giữa mong đợi của người mua sắm và các sản phẩm, dịch vụ hiện có của doanh nghiệp”. Đồng thời, Roberto nhấn mạnh: “Hiện nay, mối quan tâm hàng đầu của người tiêu dùng thậm chí còn nghiêng về những gì tốt cho sức khoẻ nhiều hơn nữa. Người tiêu dùng thông thạo và hiểu biết đang đòi hỏi nhiều hơn từ thực phẩm họ tiêu thụ, và một số người còn ưu tiên các sản phẩm có công bố thành phần trên nhãn hiệu. Đối với nhiều người tiêu dùng, đơn giản là tốt nhất và các thực phẩm nào chứa càng ít các chất phụ gia thì sẽ được đón nhận mạnh mẽ. Nắm bắt được điều này, hiện nay, nhiều nhà sản

---

<sup>2</sup> Dẫn theo <http://doisongvietnam.vn/tam-ly-tieu-dung-cua-nguoi-viet-nam-se-ra-sao-trong-tuong-lai-30397-8.html> (Ngày truy cập 21/02/2017)

xuất đang phản ứng với xu hướng này bằng cách sửa đổi các danh mục sản phẩm bằng cách đơn giản hóa danh sách các thành phần thực phẩm và tạo ra các sản phẩm thay thế tự nhiên và hữu cơ cho các sản phẩm hiện có. Trong khi đó, các nhà bán lẻ cũng ưu tiên các vị trí vàng trong cửa tiệm dành cho các sản phẩm tốt cho sức khỏe và luôn nhấn mạnh đến yếu tố tươi sống để thúc đẩy tăng trưởng”<sup>3</sup> đáp ứng nhu cầu tâm lý tiêu dùng người dân đô thị nói riêng, cả nước nói chung.

Trong thời gian qua, kinh tế miền Đông Nam Bộ phát triển năng động nhất nước, đã gia tăng lớn lượng dân cư cơ học gắn với quá trình đô thị hóa cả thành thị và nông thôn. Vì vậy, số lượng chợ dân sinh, chợ truyền thống, siêu thị, trung tâm thương mại được hình thành ngày một nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Sự phát triển kinh tế năng động, di dân cơ học nhanh, hạ tầng cơ sở được tăng cường đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi đối với quá trình đô thị hóa miền Đông Nam Bộ diễn ra nhanh và liên tục nhất nước. Theo đó, ở những khu vực kinh tế phát triển như Đông Nam Bộ có tỷ lệ đô thị hóa 50%, riêng TP Hồ Chí Minh tỷ lệ 83% (cao nhất nước). Từ năm 1991 đến năm 2015, trên địa bàn miền Đông Nam Bộ có hàng loạt khu chế xuất, khu công nghiệp được xây dựng. Công nghiệp phát triển đã thu hút một lượng lớn lao động từ nhiều địa phương trong cả nước nhập cư ở TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Vì vậy, dân số đô thị tăng gần gấp hai lần dân số nông thôn, đã phản ánh sức hút về lao động của các khu công nghiệp mạnh mẽ. Tỷ suất di cư thuần dương chỉ diễn ra ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và âm ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, Bình Dương là tỉnh duy nhất có tỷ suất di cư thuần dương cao nhất nước. Dân số gia tăng kéo theo sự phát triển về hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như điện, đường, chợ, trường,

---

<sup>3</sup> Dẫn theo <https://www.nielsen.com/vn/vi/insights/2017/nielsen-shopper-trend-2017.html> (Ngày truy cập 21/02/2017)

trạm. Từ đó, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ở các đô thị<sup>4</sup> miền Đông Nam Bộ. Dân cư nơi này trước đổi mới năm 1986, chủ yếu sống ở nông thôn, bước vào thời kỳ đô thị hóa, người dân miền Đông Nam Bộ dần chuyển sang cư trú phần lớn ở đô thị dẫn đến sự thay đổi trong tâm lý mua sắm của dân cư đô thị đối với hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ.

## **2.2. Chợ truyền thống đối với sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị**

Tỉnh Bình Dương là một trong bốn trụ cột kinh tế miền Đông Nam Bộ, thực hiện cuộc cải cách kinh tế toàn diện năm 1986 đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Quá trình đô thị hóa Bình Dương diễn ra nhanh chóng sau khi địa phương này tái lập tỉnh năm 1997. Đô thị hóa Bình Dương diễn ra song song với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dần một bộ phận dân cư nông thôn trở thành dân cư đô thị. Sự chuyển biến này đã thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với quá trình thương mại hóa. Vì vậy, “trong 17 năm (1997-2013), bình quân mỗi năm GDP của tỉnh Bình Dương tăng 14%, cao hơn mức bình quân cả nước và là một trong số những tỉnh, thành của cả nước dẫn đầu về phát triển kinh tế - xã hội. Riêng giai đoạn 2011-2015, Bình Dương duy trì tốc độ tăng trưởng cao, GDP bình quân tăng 13%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với tỷ lệ tương ứng 60% - 37.3% - 2.7% GDP bình quân đầu người vượt kế hoạch đề ra, cuối năm 2015 đạt 95,6 triệu đồng/người/năm”<sup>5</sup>. Trước Đổi mới, Bình Dương là địa phương kinh tế thuần nông với tâm lý người tiêu dùng nông thôn chủ yếu mua sắm dựa theo sự giới thiệu truyền miệng của anh em, họ hàng, bạn bè, làng xóm,... Vì vậy, “trước khi đưa ra lựa

---

<sup>4</sup> Dẫn theo <http://www.baovaydung.com.vn/news/vn/quy-hoach-kien-truc/do-thi-hoa-o-nam-bo-thuc-tien-va-thach-thuc.html> (Ngày truy cập 21/02/2017)

<sup>5</sup> Dẫn theo <http://thuvienbinhduong.org.vn/?ArticleId=99c213f3-b305-424a-8059-4195d1d718a7> (Ngày truy cập 22/02/2017)

chọn, người dân nông thôn thường suy tính về giá trị, chất lượng, số tiền bỏ ra, thời hạn sử dụng, rủi ro,... kỹ càng gấp nhiều lần thời gian mà một người thành thị bỏ ra cho một quyết định mua sắm. Các khảo sát cũng cho thấy người tiêu dùng nông thôn bị ảnh hưởng nhiều bởi hiệu ứng đám đông. Cụ thể 74% người nông thôn luôn chú ý đến suy nghĩ của đám đông xung quanh. Có 47% dám hành động khác biệt với cộng đồng. Do vậy, “nhãn hiệu phổ biến” là yếu tố thúc đẩy thử nghiệm sản phẩm quan trọng nhất, là điều kiện tiên quyết nhất ảnh hưởng đến lựa chọn hàng hóa của người tiêu dùng nông thôn”<sup>6</sup>. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, dân cư nông thôn Bình Dương từng bước chuyển dần thành thị dân. Đô thị hóa thường gắn liền với sự chuyển đổi các thiết chế văn hóa và lối sống đô thị dẫn đến những thay đổi trong đời sống tâm lý của thị dân. Vì vậy, hệ thống nhu cầu của người dân thay đổi bởi sự tác động của nhiều yếu tố như sự tăng trưởng kinh tế, gia tăng mức sống, sự phát triển của hệ thống các dịch vụ, tiếp biến và lan tỏa văn hóa vùng miền, sự tăng cường hội nhập quốc tế, sự thay đổi tâm lý mua sắm tiêu dùng. Theo nghiên cứu khoa học về tâm lý mua sắm giữa người dân nông thôn và đô thị có sự chênh lệch khá lớn. Theo đó, “có đến 81% người tiêu dùng nông thôn coi trọng ý kiến và lời giới thiệu của người khác. Trong khi con số này ở thành thị chỉ là 46%. Có 71% người tiêu dùng nông thôn sẽ nghe theo lời khuyên của người quen về việc lựa chọn một sản phẩm nào đó. Trong khi, 70% người tiêu dùng thành thị trả lời rằng với họ, ý kiến người khác chỉ để tham khảo”<sup>7</sup>. Vì vậy, chợ truyền thống ở đô thị muốn tồn tại và phát triển đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị phải có sự định hướng, đầu tư từ Nhà nước, doanh nghiệp kinh doanh chợ và cá nhân lập chợ kinh doanh. Do đó, Tỉnh ủy Bình Dương đã chỉ đạo “mở rộng thị trường hòa nhập với thị trường của vùng

---

<sup>6</sup> Dẫn theo <http://www.dna.com.vn/vi/tinh-huong-thuong-hieu/s/nielsen:-70-nguoi-dan-nong-thon-mua-sam-theo-gioi-thieu-truyen-mieng/> (Ngày truy cập 22/02/2017)

<sup>7</sup> Dẫn theo <http://www.dna.com.vn/vi/tinh-huong-thuong-hieu/s/nielsen:-70-nguoi-dan-nong-thon-mua-sam-theo-gioi-thieu-truyen-mieng/> (Ngày truy cập 22/02/2017)

kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Quy hoạch, hình thành mạng lưới thương mại đa dạng trên toàn tỉnh... Xây dựng trung tâm thương mại cấp liên khu vực tại thị xã Thủ Dầu Một, trung tâm thương mại cấp khu vực các thị trấn... Xây dựng và củng cố các hợp tác xã thương mại nông thôn. Sửa chữa, nâng cấp các chợ hiện có theo quy hoạch, xóa bỏ chợ tạm ở những nơi có mật độ dân cư đông, xây dựng chợ ở những nơi tập trung dân cư và chợ nông thôn. Bình quân tổng mức bán lẻ phải tăng 23-25%/năm, bán buôn tăng 21-22%/năm”<sup>8</sup>.

Đô thị hóa ở Bình Dương không ngừng phát triển với thành phố Thủ Dầu Một được xếp vào đô thị loại II, thành phố Mới Bình Dương với hạ tầng cơ sở hiện đại và các thị xã Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên, Bến Cát phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Phát huy thắng lợi phát triển kinh tế, đáp ứng nhu cầu tâm lý mua sắm người dân đô thị, Đảng bộ Bình Dương từ khá sớm đã “quy hoạch, xây dựng chợ cấp xã hay liên xã, các trung tâm thương mại thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Dĩ An và một số thị trấn, các khu công nghiệp, các khu dân cư khác”<sup>9</sup>. Nhằm định hướng phát triển hệ thống chợ ở nông thôn trên bước đường đô thị hóa trong mối quan hệ giữa gia tăng dân cư và sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị, tỉnh Bình Dương đã phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030 với “hệ thống chợ và cửa hàng bán lẻ là cơ cấu chủ yếu của ngành thương mại ở khu vực nông thôn trong suốt cả thời kỳ 2011-2020. Thực hiện đồng bộ các chương trình phát triển chợ nông thôn: cải tạo, nâng cấp, di dời và xây dựng mới để đảm bảo có đủ chợ dân sinh ở các xã, các cụm xã phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống hàng ngày của nhân dân, nâng cấp, xây dựng mới các chợ trung tâm thị trấn, hình thành các chợ đầu mối bán buôn tại những nơi có

---

<sup>8</sup> Đảng bộ tỉnh Sông Bé (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng tỉnh Sông Bé lần VI (1996-2000)*, tr.42; Tỉnh Bình Dương thành lập năm 1997 trên cơ sở giải thể tỉnh Sông Bé, tỉnh Bình Dương tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng tỉnh lần VI

<sup>9</sup> Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Văn kiện Đại hội Đảng bộ Bình Dương lần VII (2001-2005)*, tr.44

sản xuất hàng hóa tập trung và đủ lớn, có vị trí và điều kiện giao thông thuận lợi, gần các trung tâm tiêu thụ hoặc ở ngoại vi”<sup>10</sup>. Đến năm 2015, Bình Dương “đã đề ra và thực hiện hiệu quả các chương trình hành động về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với nông nghiệp chế biến; quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đến năm 2020”<sup>11</sup> đáp ứng nhu cầu sự thay đổi tâm lý của người dân đô thị.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vốn tách ra từ Đồng Nai và TP Hồ Chí Minh năm 1991. Địa phương này là nơi tiếp nhận đông đảo người dân nhập cư từ sau năm 1975 xây dựng kinh tế mới. Bước vào thời kỳ hội nhập, kinh tế Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển mạnh, nhu cầu nhân lực lao động sản xuất trong nhiều khu công nghiệp tăng cao, vì thế người dân nhập cư đã tăng lên nhanh ở các đô thị. Gắn liền sự gia tăng dân cư và phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa ở Bà Rịa - Vũng Tàu tăng lên nhanh chóng. Địa phương này là tỉnh duy nhất ở miền Đông Nam Bộ có hai thành phố với Vũng Tàu là đô thị loại I, Bà Rịa đạt chuẩn đô thị loại II. Theo đó, “đô thị hóa làm biến đổi các hoạt động con người về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa; làm cho đời sống con người ngày càng phong phú; giúp con người phát triển toàn diện, cân bằng trong môi trường tự nhiên và xã hội”<sup>12</sup>. Trong quá trình phát triển của đô thị hóa, bên cạnh yếu tố “thị” (chợ) hoặc “phố” (mua bán các mặt hàng tiêu dùng tiêu thụ công nghiệp) có tính chất “mở”, để lộ căn nguyên ban đầu hoặc không thể thiếu của đô thị là chức năng thương mại, nơi tụ họp để trao đổi, mua bán hàng hóa. Vì vậy, “thành thị có thể coi là trung tâm đa chức năng, nơi tổ chức và vận hành các hoạt động trên các

---

<sup>10</sup> UBND tỉnh Bình Dương (2011), Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 về phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, tr.5

<sup>11</sup> Dẫn theo [baobinhduong.vn/no-lu-c-xay-du-ng-nong-thon-moi-ky-l-a107694.html](http://baobinhduong.vn/no-lu-c-xay-du-ng-nong-thon-moi-ky-l-a107694.html) (Truy cập ngày 22/02/2017)

<sup>12</sup> Trương Đình Chiên (2015), *Hành vi người tiêu dùng Việt Nam đối với hàng nội, hàng ngoại trong thời đại toàn cầu hóa*, NXB Giáo dục, tr.84

lĩnh vực chính trị, quân sự, tôn giáo, hành chính, kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa, giáo dục và giải trí cho các thành phần cư dân khác nhau”<sup>13</sup>. Trong điều kiện từ nông thôn chuyển biến thành đô thị, thị dân có nhiều chuyển biến tâm lý về mua sắm ở chợ truyền thống. Người dân đô thị tìm kiếm thông tin hàng hóa mua sắm bởi các điều kiện về môi trường xung quanh. Một số ít người tiêu dùng tìm kiếm thông tin tại các chợ, khu mua bán sau khi nhận ra nhu cầu mua sắm của mình. Một số khác, đặc biệt là những người tiêu dùng có kinh nghiệm, họ thích tìm kiếm các thông tin và kiểm tra chúng như một cách thức giải trí (thăm dò giá cả) để thu thập những thông tin mới nhất cho nhu cầu tiêu dùng tương lai. Thông tin tìm kiếm nhìn chung thường có mục tiêu rõ ràng cho những quyết định mua sắm lớn. Khi đó, người dân đô thị sẽ cần nhiều thông tin hơn trước khi mua sắm và họ mong muốn có thể tìm kiếm các thông tin này một cách dễ dàng và các thông tin này có giá trị hữu ích. Vì vậy, giới tiêu thương bán buôn ở chợ truyền thống buộc phải chuyển biến thói quen bán buôn theo sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị. Do đó, bên cạnh hệ thống chợ dân sinh nông thôn, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từng bước lập quy hoạch xây dựng hệ thống chợ buôn bán tổng hợp nhằm tạo sự tăng trưởng trong hoạt động thương nghiệp, đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của dân cư đô thị và khách du lịch.

Theo đó, chính quyền địa phương xác định chợ bán buôn tổng hợp “thường có quy mô lớn (hạng I hoặc hạng II), phát triển chủ yếu tại các thị trấn, thị tứ, nơi tập trung đông dân cư, nơi có truyền thống buôn bán từ lâu đời. Đây là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”<sup>14</sup>.

---

<sup>13</sup> Trương Đình Chiến (2015), sdd, tr.123

<sup>14</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2014), Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống chợ tỉnh giai đoạn 2013-2025, tr.9.

Trên bước đường đô thị hóa theo hướng hiện đại, bảo vệ môi trường, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu “chú trọng đầu tư khung hạ tầng kết nối vùng kinh tế trọng điểm; không ngừng phát triển các đô thị như Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ, Long Điền - Long Hải và hình thành mới các đô thị chuyên ngành làm động lực phát triển trực hành lang kinh tế công nghiệp, cảng biển và hành lang kinh tế dịch vụ, du lịch nhằm khai thác thế mạnh tổng hợp kinh tế biển. Góp phần hình thành cực có vai trò đôi trọng để cùng phát triển vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ”<sup>15</sup>, thích ứng sự thay đổi tiêu dùng của người dân sống ở đô thị và khách du lịch.

Thành phố Hồ Chí Minh với lợi thế điều kiện tự nhiên, là trụ cột kinh tế miền Đông Nam Bộ và cả nước. Thành phố này “là một đô thị nhưng diện tích đã và đang đô thị hoá 85% số dân sinh sống và 75% diện tích còn lại với 15% dân số sinh sống lại thuộc về nông thôn TP Hồ Chí Minh một trong những tỉnh thành phố có tốc độ phát triển cao nhất nước, GDP liên tục tăng trong 20 năm trở lại đây, có đóng góp lớn cho Nhà nước trên cả các mặt”<sup>16</sup>. Theo Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27/11/2006, về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng TP Hồ Chí Minh đến năm 2025, thì TP Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước và sẽ trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ đa lĩnh vực của khu vực Đông Nam Á. Mục tiêu xây dựng TP Hồ Chí Minh bao gồm: phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá và bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng theo hướng liên kết vùng để trở thành một thành phố văn minh, hiện đại. Đến năm 2025, dân số thành phố sẽ vào khoảng 10 triệu người.

---

<sup>15</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2016), Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 về *phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2015 đến năm 2025*, tr.2.

<sup>16</sup> Dẫn theo <http://cuongdlina.vnweblogs.com/a85669/do-thi-hoa-thanh-pho-ho-chi-minh-goc-nhin-lich-su-ts-vuong-cuong.html> (Ngày truy cập 22/02/2017)

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa về mặt lý luận và quan điểm định hướng cần phải tăng tốc các ngành công nghiệp - thương mại, dịch vụ mà trong đó phải ưu tiên các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ chủ lực, công nghiệp mũi nhọn và các dịch vụ kinh tế, kỹ thuật cao, hiện đại. Sự phát triển của các ngành này và khả năng gắn kết ảnh hưởng của nó với các quan hệ liên kết, hỗ trợ, định hướng sự phát triển các ngành còn lại trên địa bàn sẽ tạo sự thay đổi mang tính cách mạng về phương thức sản xuất, về năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng và liên tục. Sự phát triển của kinh tế đô thị có vai trò gạch nối giữa yêu cầu, mục tiêu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với thành tựu, kết quả đạt được do đô thị hóa mang lại. Sự phát triển kinh tế đô thị, văn hóa đô thị dần chiếm lĩnh văn hóa tinh thần của người dân đô thị, trong đó, sự thay đổi hành vi mua sắm của người dân TP Hồ Chí Minh dần thay đổi từ cơ chế “ngăn sông cấm chợ” thời bao cấp sang tự do hóa thương nghiệp thời kỳ mở cửa, hội nhập của thành phố này nói riêng, miền Đông Nam Bộ và cả nước nói chung.

Do đó, về chiến lược phát triển hệ thống chợ truyền thống lâu dài ở TP Hồ Chí Minh cần nghiên cứu sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu đối với quy hoạch, phát triển hệ thống chợ phù hợp với quá trình đô thị hóa thành phố. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế thương nghiệp của thành phố với quá trình đô thị hóa nhanh, hệ thống chợ truyền thống được xem là nhân tố rất quan trọng đáp ứng nhu cầu phục vụ sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị, nên việc “xác định và phát triển các yếu tố của thị trường: hàng hóa, dịch vụ, tiền tệ và vốn, sức lao động,... Phối hợp với các tỉnh tổ chức tốt mối giao lưu nông sản phẩm hàng hóa trong khu vực để cải tạo thị trường có sức mua lớn ở nông thôn cho sản phẩm công nghiệp thành phố. Mở rộng và từng bước hòa nhập vào các thị trường thế giới, nhất là thị

trường châu Á - Thái Bình Dương”<sup>17</sup>. Chương trình xây dựng nông thôn mới, đối với chợ nông thôn giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình đô thị hóa vùng ngoại ô TP Hồ Chí Minh, do đó, chính quyền thành phố đã “phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm mua sắm, khu thương mại - dịch vụ, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, trung tâm logistics, tổng kho bán buôn, trung tâm hội chợ - triển lãm,...) ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu đô thị mới; hoàn thành cơ bản chương trình phát triển các loại hình chợ (chợ dân sinh ở khu vực nông thôn, ngoại thành, chợ trung tâm, chợ chuyên doanh, chợ đầu mối ở các quận ven và huyện ngoại thành, đáp ứng yêu cầu cung cấp và luân chuyển nông sản thực phẩm cho thị trường)”<sup>18</sup>. Xác định chợ nông thôn giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển đô thị hóa vùng ven TP Hồ Chí Minh, là cầu nối thương nghiệp với thành thị nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ tâm lý mua sắm người dân đô thị trong hội nhập khu vực và quốc tế. Vì vậy, “phát triển kết cấu hạ tầng thương mại gắn liền với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển hệ thống giao thông vận tải. Phát triển hệ thống trung chuyển hàng hóa, hệ thống kho bãi đồng bộ với phát triển hệ thống phân phối, mạng lưới chợ bán buôn, bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn. Tiếp tục phát triển các khu mua sắm tập trung đạt chuẩn mực quốc tế, bao gồm tổ hợp các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ tại các khu vực trung tâm thành phố, Khu đô thị mới Nam thành phố, Khu đô thị mới Thủ Thiêm, các trạm dừng (depot) của hệ thống tàu điện ngầm theo quy hoạch giao thông vận tải đã được phê duyệt”<sup>19</sup> nhằm tạo lập hạ tầng thương mại chợ truyền thống phát triển đồng bộ cơ sở

---

<sup>17</sup> Đảng bộ TP Hồ Chí Minh (1991), Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP lần V (1991-1995), tr.58-59

<sup>18</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (2009), Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 09/6/2009, *Phê duyệt đề án phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020*, tr.2

<sup>19</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (2009), TLdd, tr.7

vật chất, ứng xử buôn bán của giới tiêu thương đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân đô thị.

Ngoài ra, các địa phương còn lại của miền Đông Nam Bộ là Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh đều có quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại thời kỳ mở cửa và hội nhập. Theo đó, hệ thống chợ truyền thống ở các địa phương này được chính quyền các cấp quy hoạch, định hướng phát triển đáp ứng yêu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị. Sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị là động lực thúc đẩy giới tiêu thương buôn bán ở chợ truyền thống, Nhà nước, các doanh nghiệp kinh doanh chợ và cá nhân lập chợ kinh doanh định hướng phát triển hệ thống chợ truyền thống đáp ứng yêu cầu đô thị hóa ngày một tăng nhanh ở miền Đông Nam Bộ.

### **2.3. Chợ hiện đại**

Một trong những nhân tố quan trọng làm chuyển biến tâm lý mua sắm của người dân đô thị từ chủ yếu mua sắm ở chợ truyền thống sang địa điểm mua sắm mới là siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích. Cùng với sự phát triển kinh tế, đô thị hóa của miền Đông Nam Bộ, nhu cầu mua sắm, tiêu dùng nơi đây ngày càng nâng cao theo sự thay đổi tâm lý mua sắm người dân đô thị.

Siêu thị là một trong nhiều loại hình trao đổi hàng hoá hiện đại trong xu thế toàn cầu hoá thương mại. Siêu thị ra đời ở Việt Nam là sự tất yếu của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quá trình đô thị hóa nhanh chóng, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Năm 1993, siêu thị manh nha hình thành đầu tiên ở nước ta với sự ra đời của Minimart do công ty Vững Tàu Sinhanco khai trương tại thành phố Vũng Tàu. Năm 2015, trải qua hơn 20 năm ra đời và phát triển, hệ thống siêu thị đã hiện diện hầu hết các địa phương ở nước ta đặc biệt là những đô thị lớn như TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần

Thơ,... đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của thị dân trong quá trình đô thị hóa cả nước nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng.

Sự gia tăng dân cư đô thị, phát triển đô thị hóa, Đảng, Nhà nước đã từng bước ban hành nhiều văn bản mang tính pháp quy đối với sự phát triển “siêu thị, trung tâm thương mại” nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị. Ngay từ Nghị quyết Đại hội Đảng lần IX, Đảng ta đã nhấn mạnh đến việc phát triển các loại hình thương mại văn minh, hiện đại ở Việt Nam; Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 20/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tiếp tục tổ chức thị trường trong nước, tập trung phát triển thị trường nông thôn đến năm 2010”, Chỉ thị số 13/2004/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “việc thực hiện những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển mạnh thị trường nội địa”. Đặc biệt, Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 về Ban hành Quy chế Siêu thị, Trung tâm thương mại. Theo Quy chế Siêu thị, Trung tâm thương mại của Bộ Thương mại: *Siêu thị* là loại hình cửa hàng hiện đại; kinh doanh tổng hợp hoặc chuyên doanh; có cơ cấu chủng loại hàng hoá phong phú, đa dạng, bảo đảm chất lượng; đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích kinh doanh, trang bị kỹ thuật và trình độ quản lý, tổ chức kinh doanh; có các phương thức phục vụ văn minh, thuận tiện nhằm thỏa mãn nhu cầu mua sắm hàng hóa của khách hàng. *Trung tâm thương mại* là loại hình tổ chức kinh doanh thương mại hiện đại, đa chức năng, bao gồm tổ hợp các loại hình cửa hàng, cơ sở hoạt động dịch vụ; hội trường, phòng họp, văn phòng cho thuê,... được bố trí tập trung, liên hoàn trong một hoặc một số công trình kiến trúc liền kề; đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích kinh doanh, trang bị kỹ thuật và trình độ quản lý, tổ chức kinh doanh; có các phương thức phục vụ văn minh, thuận tiện đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của thương nhân và thỏa mãn nhu cầu về hàng hoá, dịch vụ của khách hàng<sup>20</sup>. Như vậy, siêu thị, trung tâm thương mại là

---

<sup>20</sup> Bộ Thương mại (2004), Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 về *Ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại*, tr.1

loại hình chợ hiện đại khá phổ biến hiện nay ở miền Đông Nam Bộ nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sự thay đổi tâm lý mua sắm của dân cư đô thị và góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Trong xu thế hình thành cộng đồng ASEAN năm 2015, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh hơn trước, hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích,... hiện diện ngày một phổ biến ở miền Đông Nam Bộ và cả nước, từng bước chiếm lĩnh thị phần bán lẻ của chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý tiêu dùng của người dân phố thị. Siêu thị, trung tâm thương mại,... là cửa hàng bán lẻ hiện đại, kinh doanh tổng hợp hoặc chuyên doanh với nhiều chủng loại hàng hóa rất phong phú, đa dạng và đảm bảo chất lượng. Siêu thị, trung tâm thương mại,... tọa lạc nơi thuận lợi về giao thông, có trình độ quản lý, tổ chức kinh doanh với phong cách phục vụ trao đổi hàng hóa văn minh, hiện đại. Từ đó, siêu thị, trung tâm thương mại,... tạo ra khả năng thỏa mãn tốt nhất nhu cầu mua sắm của sự gia tăng dân cư đô thị miền Đông Nam Bộ. Hàng hóa siêu thị, trung tâm thương mại,... có thể cung cấp theo yêu cầu của người tiêu dùng trong thời gian dài, tạo niềm tin và sự hài lòng đối với người dân. Nhân tố khách quan để người tiêu dùng đến với hàng hóa siêu thị, trung tâm thương mại,... là đảm bảo về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sự đa dạng phong phú về chủng loại, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt.

Năm 2008, cả nước có khoảng 385 siêu thị, hiện nay đã tăng lên 724 siêu thị. Nhìn chung, siêu thị tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ, chiếm 30,8%, Đồng bằng sông Hồng chiếm 23,6%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 23,1%<sup>21</sup>. Doanh nghiệp trong nước hiện chiếm ưu thế về thị phần của hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại,... với các thương hiệu như Co.opMart, Citimart, Fivimart, BigC, Vinatex,... Năm 2014, tập

---

<sup>21</sup> Dẫn theo <http://tinnhanhdiaoc.vn/.../doanh-thu-ban-le-hang-hoa-dat-2216-nghin-ty-don..> (Truy cập ngày 22/02/2017).

đoàn Vincom kinh doanh bán lẻ đã mua lại 70% quyền sở hữu hệ thống siêu thị OceanMart, chính thức tham gia vào mạng lưới siêu thị<sup>22</sup> của Việt Nam. Năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh có 177 siêu thị, 163 trung tâm thương mại<sup>23</sup>, các tỉnh còn lại miền Đông Nam Bộ có 40 siêu thị và trung tâm thương mại. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại,... miền Đông Nam Bộ ngày một phát triển mạnh về số lượng, mở rộng về phạm vi hoạt động với hàng hóa đa dạng, phong phú nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu tiêu dùng đối với sự gia tăng dân số người dân đô thị và phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ góp phần giải quyết mối quan hệ giữa sự gia tăng dân số, đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam thời gian qua. Đến năm 2015, miền Đông Nam Bộ có 761 chợ<sup>24</sup> đặt dưới sự quản lý Nhà nước và tổ chức cá nhân kinh doanh thương mại. Bên cạnh đó, hàng trăm chợ tự phát, chợ dân sinh, chợ đường phố, chợ áp, chợ tự quản,... với hàng nghìn tiểu thương tham gia hoạt động buôn bán hàng ngày đã thêm phần sôi động cho bức tranh hoạt động của hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm người dân đô thị trong quá trình đô thị hóa.

Trong xu thế hình thành cộng đồng ASEAN, hàng hóa trao đổi mua bán ở hệ thống chợ miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung ngày một dễ nhận biết đối với người tiêu dùng qua phương tiện thông tin hiện đại ở đô thị nhằm thỏa mãn tâm lý mua sắm của người dân đô thị. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích,... ra đời và phát triển giúp thay đổi thói quen mua sắm của người dân trong quá trình đô thị hóa theo hướng hiện đại, văn minh ở các thành phố lớn của miền

---

<sup>22</sup> Dẫn theo <http://www.tapchitaichinh.vn/> (Truy cập ngày 22/02/2017).

<sup>23</sup> Dẫn theo <http://www.baomoi.com> Nhà đất -Đầu tư - Quy hoạch (Truy cập ngày 22/02/2017)

<sup>24</sup> Lê Quang Cần (2015), Hội thảo khoa học quốc tế, *40 năm thống nhất đất nước với công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế (1975-2015)* do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức 27/4/2015, tr.530

Đông Nam Bộ. Gắn liền xu hướng đô thị hóa, hệ thống chợ truyền thống, chợ hiện đại nơi này từng bước được Nhà nước, các doanh nghiệp kinh doanh chợ và cá nhân lập chợ kinh doanh đầu tư xây dựng theo hướng văn minh, hiện đại vừa góp phần tạo dựng cảnh quang đô thị, vừa đáp ứng nhu cầu phục vụ mua bán trao đổi hàng hóa đối với người dân đô thị.

#### **2.4. Một vài nhận xét**

Trải qua giai đoạn 1975-2015, miền Đông Nam Bộ cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội đạt nhiều thành tựu đáng tự hào. Hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ trở thành nhân chứng đối với sự thay đổi cơ chế chính sách phát triển thương nghiệp, gia tăng mật độ dân cư và quá trình đô thị hóa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa, hệ thống chợ truyền thống và hiện đại ở nơi này trở thành cầu nối thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển, góp phần đô thị hóa phát triển hài hòa vật chất và tinh thần. Trong chương trình xây dựng nông thôn mới, hệ thống chợ nơi đây góp phần thay đổi diện mạo đô thị hóa nông thôn trong mối quan hệ mật thiết giữa gia tăng dân cư với phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các trung tâm thành thị, sự cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống chợ cũ đã xuống cấp ở miền Đông Nam Bộ trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá mỹ quan đô thị nhằm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đối với người dân miền Đông Nam Bộ nói riêng, cả nước nói chung ngày một nóng bỏng hơn bao giờ hết. Vì vậy, mối quan hệ giữa người sản xuất - chợ truyền thống - siêu thị và trung tâm thương mại - người tiêu dùng tạo thành sự kết nối song hành quan trọng đối với sức khỏe người dân. Sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị miền Đông Nam Bộ, buộc giới tiêu thương chợ truyền thống nơi này phải thay đổi tâm lý mua bán với phương châm “khách hàng là thượng đế”, theo nguyên tắc phục vụ “vừa lòng khách đến, hài lòng khách đi”.

Quá trình đô thị hóa ở miền Đông Nam Bộ đã thúc đẩy sự chuyển biến kinh tế - xã hội nói chung, tâm lý mua sắm người tiêu dùng đối với chợ truyền thống và siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích nói riêng. Miền Đông Nam Bộ đã hình thành và phát triển hệ thống chợ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích tăng nhanh nhất nước đáp ứng nhu cầu thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị. Sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị miền Đông Nam Bộ phù hợp với quy luật kinh tế thị trường thương nghiệp và xu thế hội nhập quốc tế. Sự phát triển đô thị hóa miền Đông Nam Bộ và sự thay đổi tâm lý mua sắm của người dân đô thị là sự phát triển song hành của quy luật phát triển kinh tế - xã hội thời hội nhập nơi đây. Qua đó, hệ thống chợ truyền thống nơi này muốn người dân đô thị chấp nhận mua hàng hàng hóa của mình buộc giới tiêu thương phải “luôn luôn lắng nghe, luôn luôn thấu hiểu” tâm lý mua sắm của người dân phố thị trong xu thế phát triển đô thị hóa không ngừng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thế kỷ XXI.

---

# 3

---

## NHÀ BÈ - CHỢ NỔI MIỀN ĐÔNG NAM BỘ\*

Chợ nổi là một loại hình chợ thường xuất hiện tại vùng sông nước được coi là tuyến giao thông chính, nơi cả người bán và người mua đều dùng ghe, xuồng làm phương tiện vận tải và di chuyển. Chợ nổi ngày nay là nét văn hóa đặc thù của vùng sông nước miền Tây Nam Bộ. Nói đến chợ nổi, người ta thường nghĩ ngay đến những khúc sông miền Tây tấp nập ghe xuồng nhộn nhịp bán mua. Ít ai biết ngay trên sông nước miền Đông Nam Bộ thuở xa xưa từng có một khu chợ nổi được hình thành rất sớm và hoạt động khá nhộn nhịp, đó là chợ nổi Nhà Bè gắn liền câu ca: *Nhà Bè nước chảy chia hai/Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.*

Qua câu ca dao xưa đã hiển thị Đồng Nai và Gia Định là những vùng đất hấp dẫn đối với cư dân Việt “tha phương cầu thực” chọn nơi làm quê hương mới. Trong hành trình di dân và mưu sinh đầy gian khó, sông Nhà Bè trở thành ngã ba đường đối với lưu dân Việt đến được vùng đất mới Gia Định, Đồng Nai trù phú đất đai màu mỡ, nơi xộp thuận lợi sản xuất nông nghiệp, thủy hải sản tự nhiên đầy ắp, lâm thổ sản phong phú,... đáp ứng nhu cầu vật chất tối thiểu đối với người dân sinh kế nơi “đất lành chim đậu”.

---

\* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch An Giang (2013), *Tạp chí Văn hóa lịch sử An Giang*, số 99, tháng 6/2013

Đến cuối thế kỷ XVII, thế lực chúa Nguyễn ở Đồng Nai, Gia Định tăng lên mạnh mẽ, điều đó đã khuyến khích làn sóng nhập cư của người Việt và các tộc người thiểu số trên vùng đất mới. Điểm dừng chân đầu tiên của họ là Mô Xoài (Bà Rịa), địa đầu của vùng đất mới nằm trên trục giao thông đường bộ từ Bình Thuận vào vùng đất Đồng Nai, Gia Định và trên đường biển (chủ yếu) có vịnh biển Ô Trạm rất thuận lợi đối với tàu thuyền cập bến. Từ Mô Xoài (Bà Rịa), các thế hệ di dân người Việt với phương tiện di chuyển chủ yếu là thuyền, ghe, xuồng theo con nước thủy triều ngược sông Đồng Nai đến định cư vùng Biên Hòa, Phước Long. Ngoài ra, việc di chuyển bằng đường bộ đến vùng đất mới được tiến hành nhưng khá chậm chạp. Các điểm định cư sớm nhất của cư dân Việt là Nhơn Trạch, Long Thành, An Hòa, Bến Gỗ, Bàn Lân, Cù Lao Phố, cù lao Tân Chánh, cù lao Ngô, cù lao Kinh, cù lao Tân Triều,...

Sông Nhà Bè là nơi hợp lưu của sông Phước Long (sông Đồng Nai) ở hướng Bắc chảy xuống và Tân Bình (sông Sài Gòn) ở hướng Nam chảy ra, hai sông hiệp lại chảy xuống hướng Đông hình thành sông Phước Bình; vì vậy, gọi là Tam giang. Từ sông Nhà Bè trở xuống, hai hướng chảy của sông tách ra, duy chỉ ngọn hướng Đông một dải sông lớn chảy ra cửa biển Cần Giờ. Trên bước đường tìm vùng đất mới để mưu sinh, những lưu dân Việt đã chọn thuyền buồm hay ghe bầu làm phương tiện di chuyển chính được Trịnh Hoài Đức chép: “Khi xưa mới đặt 2 dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, mà đường bộ Bình Đồng chưa mở, hành khách qua lại hai dinh ấy phải đáp đò đường trường. Đầu bến đò phía Bắc ở bến sông Cát - dinh Trấn Biên. Phàm đò khởi hành ở Trấn Biên, phải đợi khi nước ròng thuận dòng mở thuyền đi đến tam giang khẩu qua sông Tân Bình, đến đây gặp nước ngược phải cấm thuyền đợi khi nước lên thì thuận dòng mới đi tới”<sup>1</sup>. Những ngày đầu mới đến lập nghiệp vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, dân cư còn thưa thớt, đường bộ kém phát triển

---

<sup>1</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành thông chí*, tập thượng, NXB Nha văn hóa, phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa Sài Gòn, tr.28

nên việc đi lại từ Gia Định đến Biên Hòa và ngược lại chủ yếu bằng đường sông mà Nhà Bè là dịch trạm rất quan trọng để người đi nghỉ ngơi lấy lại sức khỏe, tiếp tục cuộc hành trình. Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức ghi nhận: “Đương thuở ấy dân cư thưa thớt, ghe đò hẹp nhỏ, hành khách thổi nấu cơm nước rất khô; vì vậy, nên người phú hộ ở thôn Tân Chánh là Võ Thủ Hoằng cột tre lại làm bè, trên lợp kín, dưới có phòng riêng, sắm đủ nồi bếp củi gạo và đồ hỏa thực để tại nơi ấy, cho hành khách dùng mà không bắt phải trả tiền”<sup>2</sup>. Như vậy, có thể khẳng định người có công đầu tiên lập nên chợ nổi Nhà Bè là Võ Thủ Hoằng, một người sống ở châu Đại Phố (Cù lao Phố) huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa. Theo Biên Hòa sử lược: “Ông có tên Võ Hữu Hoằng. Nhưng dân chúng đọc trại Hữu thành Thủ, Hoằng thành Huồng, nên tên thật bị biến thành Võ Thủ Huồng, gọi tắt là Thủ Huồng, có nơi ghi là Thủ Huôn, Thủ Hoằng, Võ Thủ Hoằng”<sup>3</sup>. Theo đó, tại nơi hợp lưu sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, Thủ Huồng cho kết bè nổi để khách qua đường có nơi ăn nghỉ đợi chờ con nước tiếp tục cuộc hành trình, rồi dần dà biến thành chợ nổi trên sông. Theo ghi chép của Trịnh Hoài Đức, sau khi Võ Thủ Hoằng kết bè làm việc thiện, “khách buôn cũng kết bè nổi bán đồ ăn nhiều đến 20, 30 chiếc, nhóm thành chợ trên sông, nên mới gọi xứ ấy là Nhà Bè...”<sup>4</sup>. Do đó, địa danh Nhà Bè hay sông Nhà Bè được hình thành dần qua lịch sử nhằm ghi nhớ dấu ấn “cái nhà bè” trên sông hình thành ở hợp lưu của Phước Long Giang. Qua đó, chợ nổi Nhà Bè là chợ nổi hình thành đầu tiên ở vùng đất phương Nam được ghi chép ít nhiều qua sử liệu nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân trước sự khó khăn của giao thông ở buổi đầu “vạn sự khởi đầu nan” trên vùng đất mới.

Chợ nổi Nhà Bè được hình thành cùng với quá trình người Việt di dân từ Bắc vào Nam nên có lẽ đây là chợ nổi đầu tiên, là

---

<sup>2</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành thông chí*, tập thượng, Sdd tr.28

<sup>3</sup> Lương Văn Lựu (1971), *Biên Hòa sử lược*, Quyển 2, tác giả tự xuất bản, tr.273

<sup>4</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành thông chí*, tập thượng, Sdd tr.28

nơi khởi nguồn đối với hình thức chợ họp trên sông ở miền Nam. Tiếc rằng sau một thời gian phát triển sầm uất, chợ nổi Nhà Bè từng bước lụi tàn dần bởi “đường thủy đường lục đi thông, dân cư trù mật, hành khách qua lại đều có thuyền riêng, không dùng đến đò đường nữa. Sau Tây Sơn vào chiếm, Nhà Bè tan nát đến nay cũng không làm lại”<sup>5</sup>. Trong những giai đoạn lịch sử về sau, lưu vực sông Mê Kông ở miền Tây Nam Bộ đã hình thành nhiều chợ nổi nức tiếng như Phụng Hiệp, Ngã Bảy, Phong Điền, Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang),... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy du lịch chợ nổi - nét đặc sắc văn hóa chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi cơ bản khai khẩn vùng đất miền Đông Nam Bộ, các thế hệ cha ông của chúng ta từng bước tiến xuống đồng bằng Tây Nam Bộ hoang vắng bóng người, mở mang bờ cõi. Vùng Tây Nam Bộ là nơi “chằng chịt hàng nghìn con sông lớn nhỏ, kênh rạch chạy theo mọi hướng”<sup>6</sup>. Hệ thống sông rạch vùng này bao gồm sông chính Cửu Long, đây là một trong những con sông dài của thế giới và lớn nhất ở Đông Dương (4.200km), nhận nước với lưu vực rộng 800.000km<sup>2</sup>. Phần hạ lưu của sông chảy vào Tây Nam Bộ dài khoảng 250km với hai nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Ngoài ra, sông Vàm Cỏ và hệ thống kênh mương chảy theo hướng Bắc Nam; trong đó, Sông Tiền chảy men theo Đồng Tháp Mười, qua Sa Đéc, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh. Từ Vĩnh Long trở đi sông chia thành nhiều nhánh phân tỏa trên một vùng rộng và chảy ra biển bằng sáu cửa: cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu. Sông Hậu là nhánh thứ hai của sông Cửu Long chảy vào Việt Nam qua Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng và ra biển bằng ba cửa: cửa An Định, cửa Bát Xát và cửa Tranh Đề. Sông Vàm Cỏ gồm hai nhánh Vàm Cỏ Tây và Vàm Cỏ Đông. Sông Vàm Cỏ Tây có chiều dài 148km,

---

<sup>5</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành thông chí*, tập thượng, Sdd tr.28

<sup>6</sup> Paul Doumer (2016), *Xứ Đông Dương*, NXB Thế giới, tr.119

bắt nguồn từ Svây Riêng (Campuchia) chảy vào Việt Nam ở Bình Tứ qua huyện Vĩnh Hưng, Mộc Hoá (hiện nay là thị xã Kiến Tường và huyện Mộc Hoá), đến thành phố Tân An hợp với sông Vàm Cỏ Đông ở cuối huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Sông Vàm Cỏ Đông có tổng chiều dài 260km, bắt nguồn từ Kông Pông Chàm (Campuchia) đổ vào Việt Nam ở Sa Mát (tỉnh Tây Ninh), thị trấn Gò Dầu, Bến Cầu, Đức Huệ, Bến Lức hợp với sông Vàm Cỏ Tây đổ ra biển ở cửa Soài Rạp. Ngoài hệ thống sông lớn, nơi đây còn có một hệ thống sông nhỏ ở phía Nam Tây Nam Bộ, đổ ra Vịnh Thái Lan. Hệ thống sông này gồm sông Giang Thành (cũng gọi là Kiên Giang), sông Cái Lớn, sông Cái Bé, sông Mỹ Thanh, sông Ông Đốc, sông Cửa Lớn, sông Gành Hào, sông Bảy Háp, sông Trèm Trẹm, sông Cái Tàu,... Như vậy, hệ thống sông, rạch thiên nhiên mà chủ yếu là tam giang là sông Tiền - sông Hậu - sông Vàm Cỏ là những tuyến thủy lộ đầu tiên của cha ông thuận lợi khai phá vùng đất mới khi giao thông đường bộ còn khó khăn. Vì vậy, từ chợ nổi Nhà Bè ở vùng Đông Nam Bộ lần hồi hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa trên sông nước phù hợp với điều kiện tự nhiên ở Tây Nam Bộ và hình thành hệ thống chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược Tây Nam Bộ năm 1867 và từng bước tiến hành chương trình khai thác thuộc địa. Một trong nhiều lĩnh vực được chính quyền thực dân Pháp đầu tư xây dựng ở Đồng bằng sông Cửu Long là hệ thống thủy lợi. Mục đích xây dựng thủy lợi của người Pháp ở Nam Kỳ được J.P. Aumiphin nhận định: “Công việc thủy nông đối với những đất đai ở Tây Nam Kỳ là thiết lập một mạng lưới kênh đào thích hợp nhằm lợi dụng thủy triều lên xuống, tháo bớt phần nước ngọt thừa và điều tiết theo yêu cầu của việc trồng lúa. Ngoài ra, những kênh đào ấy còn có mục đích là phục vụ cho việc giao thông và tạo ra cho tàu bè đi lại trên sông, một hệ thống giao thông có tầm quan trọng lớn, để đi vào các ruộng lúa cũng như chuyên chở lúa thu được. Trên hai phương diện: tháo nước (ruộng bị ngập) và giao thông, những kênh đào ở Nam Kỳ

tạo thành cơ quan chủ yếu cho đời sống và sự giàu có của xứ sở”<sup>7</sup>. Nhằm xác định cơ sở chinh phục miền Tây Nam Kỳ, chính quyền thực dân Pháp đánh giá nơi này “vào giữa thế kỷ XIX, phần lớn xứ Nam Kỳ còn bị chiếm cứ bởi đầm lầy, không thể trồng trọt được. Ngay từ khi chiếm xứ Nam Kỳ, chính phủ thuộc địa đã cho đào nhiều kênh lạch: tác dụng của các kênh đào này khi đầu là để binh sĩ di chuyển dễ dàng qua các miền sinh lầy trong các cuộc hành quân, nhưng sau này chúng được sử dụng để tháo nước và để chuyên chở các nông phẩm”<sup>8</sup>. Theo đó, ngày 20/6/1871, Thống đốc Nam Kỳ Dupréé thành lập Ủy ban nghiên cứu tính khả lưu của sông, kênh rạch ở Nam Kỳ. Chính vì thế, một số kênh đào có vị trí trọng yếu sớm được đào như: Kênh Trà Ôn (1876), Chợ Gạo (1877), Cột Cờ - Mirado (1875) và Xanhta (1879). Kênh xáng Xà No được xây dựng năm 1901 đến năm 1903 hoàn thành. Nhờ kênh Xà No và các kênh phụ của nó, vùng đất Rạch Giá, Cần Thơ, Chương Thiện được đẩy mạnh khai hoang. Về thủy lộ, kênh xáng Xà No là một trong những tuyến giao thông huyết mạch nối Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Vì vậy, hệ thống chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển về số lượng nhiều hơn so với thời chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đáp ứng nhu cầu phát triển thương nghiệp mua bán, trao đổi hàng hóa. Sự ra đời của chợ nổi Nhà Bè ở miền Đông Nam Bộ đáp ứng nhu cầu của người dân, qua thời gian, mô hình chợ nổi này được hình thành nhiều chợ nổi nức tiếng như Phụng Hiệp, Ngã Bảy, Phong Điền, Cái Răng (Cần Thơ), Cái Bè (Tiền Giang),... tạo nên nét đặc sắc văn hóa sông nước chợ nổi của Đồng bằng sông Cửu Long.

Như vậy, trong một giai đoạn lịch sử, chợ nổi Nhà Bè đã được hình thành và giữ vai trò quan trọng đối với lưu thông hàng hóa giữa vùng đất Biên Hòa trù phú sản vật với vùng Gia Định - Sài Gòn nhộn nhịp đô hội. Chợ nổi Nhà Bè hình thành và phát triển gắn liền với sự hình thành và phát triển thương cảng Cù Lao Phố

---

<sup>7</sup> Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB Lửa Thiêng SG, tr.123

<sup>8</sup> Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB Lửa Thiêng SG, tr.183

vang bóng một thời của vùng đất phương Nam. Chợ nổi Nhà Bè góp phần thể hiện sự kết nối thương mại giữa các vùng miền với nhau mang đặc tính đa dạng trao đổi hàng hóa, và trở thành “chân rết” trong hệ thống chợ của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai - Gia Định - Sài Gòn trong tiến trình khai hoang mở đất về phương Nam.

---

# 4

---

## VAI TRÒ CÙ LAO PHỐ ĐỐI VỚI CHỢ Ở BIÊN HÒA TỪ CUỐI THẾ KỶ XVII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XVIII\*

Sông Đồng Nai chảy đến một khúc quanh hạ lưu huyện Phước Chánh tự chia ra làm hai nhánh ôm trọn một dải đất phù sa bồi đắp màu mỡ, phì nhiêu. Dải đất đó là Cù Lao Phố, nằm ở phía Đông Nam của thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay. Cù Lao Phố còn được gọi là Đông Phố, Giản Phố, Cù Châu hay Nông Nại Đại Phố. Nơi này tọa lạc cách biển gần 100km nhưng là nơi sông sâu, nước chảy có thể đi đến mọi miền, thuận lợi đối với tàu thuyền có trọng tải lớn neo đậu trao đổi, buôn bán hàng hóa.

Theo nhiều công trình nghiên cứu, trước khi nhóm người Hoa Trần Thượng Xuyên đến định cư ở Bàn Lân, tại Cù Lao Phố đã có người Việt đến khai phá và định cư. Theo Trần Hiếu Thuận, Cù Lao Phố đã có 3 xóm: “xóm Chợ Chiếu, xóm Rạch Lò Gốm và xóm Chùa”<sup>1</sup>. Giai đoạn từ năm 1679 đến năm 1698 là thời gian nhóm di dân người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đến định cư, tập trung mở rộng khai hoang, phát triển kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp buôn bán, xây dựng nhà cửa, mở mang đường sá ở Cù Lao Phố nhằm tạo điều kiện thuận lợi đối

---

\* *Tạp chí xưa và nay* số 428, 5/2013, ISSN-331X

<sup>1</sup> Trần Hiếu Thuận (1997), “Cù Lao Phố”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 36 B, tháng 2

với trao đổi hàng hóa vùng Biên Hòa nói riêng và cả vùng Nam Bộ nói chung.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi đối với phát triển nông nghiệp, các nghề thủ công hình thành và mở rộng đã tạo ra sự đa dạng chủng loại sản phẩm hàng hóa trong giao thương. Vì vậy, kinh tế ở Cù Lao Phố và các vùng phụ cận phát triển mạnh mẽ, nhất là thương nghiệp mua bán, trao đổi hàng hóa, tạo tiền đề cho sự hình thành trung tâm thương mại sầm uất trong thế kỷ XVIII được Trịnh Hoài Đức miêu tả trong Gia Định thành thông chí: “Ở đầu phía Tây bãi là Đại Phố. Khi mới khai thác, tướng quân Trần Thượng Xuyên chiêu tập lái buôn người Trung Quốc lập ra phố xá, nhà ngói, tường vôi, lầu cao chót vót, quán mây tầng rục rờ bên sông dưới ánh mặt trời, liên tục năm dăm mở ra ba đường phố. Phố lớn lát đường đá trắng, phố ngang lát đường đá ong, phố nhỏ lát đường đá xanh, bằng phẳng như đá mài. Khách buôn tụ tập đông, thuyền biển, thuyền sông, tránh gió bão neo, lớn nhỏ sát nhau, là một nơi đô hội...”<sup>2</sup>.

Thời chúa Nguyễn, thương cảng Cù Lao Phố - trung tâm buôn bán sầm uất lớn nhất không chỉ ở vùng đất Biên Hòa mà còn cho cả vùng đất mới Đồng bằng sông Cửu Long. Cảnh mua bán nhộn nhịp, sầm uất ở Cù Lao Phố đã được Trịnh Hoài Đức mô tả tỉ mỉ trong Gia Định thành thông chí: “Xưa nay thuyền buôn đến đây hạ neo xong, thì lên bờ thuê phố ở, rồi đến nhà chủ mua hàng, lại lấy kê khai những hàng hóa trong thuyền và khuân cất lên, thương lượng giá cả, chủ mua hàng định giá mua bao tất cả những hàng hóa xấu tốt, không bỏ sót lại thứ gì. Đến ba ngày trưng buôn trở về, gọi là hội đường, chủ thuyền có yêu cầu mua giúp vật gì thì người buôn ấy cũng chiếu y ước đơn mua giùm chở đến trước kỳ giao hẹn, hai bên chủ khách chiếu tính hóa đơn thanh toán rồi cùng nhau đàn ca vui chơi, đã được nước ngọt tắm rửa sạch sẽ, lại không lo trùng hà ăn lũng ván thuyền, khi về lại chở đầy thứ hàng khác rất thuận lợi”<sup>3</sup>. Phạm vi hoạt

---

<sup>2</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành thông chí*, tập hạ, sdd tr.113-114

<sup>3</sup> Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng và Huỳnh Văn Tới, NXB Tổng hợp Đồng Nai, tr.29

động mua bán, trao đổi hàng hóa ở Cù Lao Phố trong giai đoạn này được giới hạn về phía Nam bởi vì nơi đó có nhiều thuận lợi đối với tàu thuyền cập bến. Các tàu buôn thường đến giao thương ở Cù Lao Phố như tàu buôn phương Tây, Trung Quốc, Mã Lai,... mà nhiều nhất là tàu buôn Trung Quốc với đội ngũ thương nhân người Hoa giữ vai trò nòng cốt vì khách hàng chính của Cù Lao Phố cũng như các thương cảng Đàng Ngoài và Đàng Trong là người Hoa. Trong điều kiện giao dịch buôn bán giữa hai nước là nếp cũ từ lâu đời, các thương nhân Hoa Kiều có vai trò, vị trí quan trọng trong lĩnh vực kinh tế ở các địa điểm trao đổi mua bán hàng hóa; trong đó, Cù Lao Phố được đánh giá là một cảng ven sông sâu trong nội địa lớn nhất Nam Bộ.

Để có được khối lượng lớn hàng hóa trao đổi, giao dịch đối với các thương nhân trong và ngoài nước cần có quá trình tập hợp, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Vì vậy, người mua kẻ bán đã lựa chọn một địa điểm cố định thuận lợi giao thông thủy bộ nhằm thực hiện trao đổi, mua bán hàng hóa. Do đó, hệ thống chợ ven sông Đồng Nai, ven đường ở vùng đất Biên Hòa và các vùng phụ cận diễn ra hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa khá sôi động theo ảnh hưởng của hoạt động thương cảng Cù Lao Phố. Hàng hóa với số lượng nhất định được tập hợp ở nhiều chợ khác nhau đáp ứng nhu cầu của thương nhân buôn bán ở thương cảng Cù Lao Phố. Các thương nhân đi thu mua hàng hóa ở từng địa phương hoặc các tụ điểm rải rác ở hệ thống chợ làng xã, chợ huyện, chợ tỉnh và dần dần hình thành chuỗi vận chuyển sản phẩm hàng hóa ở nhiều nơi đến thương cảng Cù Lao Phố. Vì vậy, từng bước hình thành hệ thống “chợ đầu mối” nhằm tập kết hàng hóa từ các chợ làng xã. Theo đó, nhiều địa điểm diễn ra hoạt động giao dịch trao đổi hàng hóa được ghi nhận với “thượng nguồn có trường giao dịch ở miệt thác Trị An, rồi chợ Bến Cá (Bình Thảo), chợ Bông Bọt (ở tổng Bình Chánh)..., miệt dưới có chợ Bà Lị (Bà Rịa xưa) hay chợ Bình Quý (ở huyện Bình An) và các quán Bình Đàng, Bình Đán...”<sup>4</sup>. Sự thịnh vượng của thương cảng Cù Lao Phố

---

<sup>4</sup> Đỗ Bá Nghiệp cb (1998), *Cù Lao Phố - lịch sử và văn hóa*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, tr.7-14

góp phần rất quan trọng đối với sự phát triển của hệ thống chợ làng xã, chợ huyện ven sông Đồng Nai nói riêng, cả vùng Biên Hòa nói chung và các vùng phụ cận như chợ Xóm Chiếu (Cù Lao Phố), chợ Lộc Dã hay chợ Đồng Nai (thôn Tân Lân), chợ Bến Gỗ (Thôn An Hòa), chợ Đồng Môn (thôn Phước Thiên), chợ Đồn (thôn Bình Long),... Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu ở thương cảng này là lúa gạo, sản phẩm thủ công gồm, đan lát, dệt vải,...; sản phẩm lâm thổ sản trầm hương, măng, dược liệu, dầu chai,... Vai trò của hoạt động mua bán ở thương cảng Cù Lao Phố là thu gom hàng hóa của vùng Biên Hòa nhằm cung cấp nhu cầu đối với thị trường khu vực và thế giới. Mặc dù, thư tịch cổ ghi chép hàng hóa trao đổi, mua bán cụ thể ở thương cảng Cù Lao Phố rất hạn chế. Tuy nhiên, theo ghi chép của Lê Quý Đôn trong Phủ Biên tạp lục thì “hàng năm cứ đến tháng 11 và tháng chạp, người ta thường xay, giã lúa thóc thành gạo đem đi bán lấy tiền tiêu dùng vào những lễ tiết chạp. Còn từ cuối tháng Giêng trở đi họ không còn thì giờ rảnh rỗi để xay giã lúa thóc. Những lúc bình thường, người ta chuyên chở gạo thóc ra bán tại thành Phú Xuân để đổi chác hay mua sắm những hàng vóc, nhiễu, trườ đoạn của người Tàu đem về may mặc nên quần áo của họ toàn là hàng hoa màu tươi tốt, đẹp đẽ,...”<sup>5</sup>.

Hàng hóa giao dịch khá phong phú ở thương cảng Cù Lao Phố sau lúa gạo là các loại lâm thổ sản của rừng núi vùng đất Biên Hòa. Rừng vùng đất Biên Hòa có nhiều loại gỗ quý sử dụng đóng tàu thuyền, dựng nhà cửa, đình, chùa, miếu mạo,... Do đó, gỗ trở thành hàng hóa trao đổi tại thương cảng Cù Lao Phố khá phổ biến với tên tuổi chợ Bến Gỗ đã được định danh tọa lạc phía hạ lưu sông Đồng Nai và được Lê Quý Đôn ghi nhận trong Phủ Biên tạp lục với “Gia Định sản xuất nhiều gỗ tốt. Tra xét sổ sách của cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên kê biên hai xứ là nguồn Đồng Môn cùng thủ Quang Hóa thuộc huyện Phước Long có các thứ gỗ sao, trắc, dầu, giáng hương, gụ”<sup>6</sup>. Bên cạnh gỗ, còn có nhiều loại

---

<sup>5</sup> Lê Quý Đôn (1973), *Phủ Biên Tạp Lục*, dịch giả Lê Xuân Giao, tập 2, quyển 6. NXB Văn hóa, phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa Sài Gòn, tr.440-441

<sup>6</sup> Lê Quý Đôn (1973), *Phủ Biên Tạp Lục*, sđd tr.375-376

hàng hóa lâm sản quý hiếm khác như ngà voi, sừng tê, tê tê,... các loài dược thảo quý, sáp ong, mật ong là những sản phẩm được giới thương lái ưa chuộng ở thương cảng Cù Lao Phố. Ngoài ra, nhiều mặt hàng nông phẩm khác như đường mía, cau, bông vải, chuối,...; các loài hải sản như tôm, cua, cá,...; hàng thủ công mỹ nghệ như đồ gốm, dệt chiếu, đan lát, đá xây dựng,... là những sản phẩm xuất khẩu khá phổ biến ở thương cảng Cù Lao Phố đáp ứng nhu cầu của giao thương hàng hóa. Một trong nhiều nhân tố thúc đẩy sự thịnh vượng của thương cảng Cù Lao Phố là giới tiểu thương buôn bán người Hoa. Người Hoa đi đến đâu lập chợ đến đó, không chỉ riêng ở Việt Nam mà nhiều nơi trên thế giới người ta cũng thấy phố của người Hoa. Với bản tính cần cù, chăm chỉ, uy tín, khôn khéo trong buôn bán nên người Hoa rất thành công trong kinh doanh thương nghiệp nói chung, chợ nói riêng. Vì vậy, “người Hoa khi mới bước chân đến đất Đồng Nai, là nghĩ ngay đến vấn đề thương nghiệp và phát triển thương nghiệp ở vùng đất mới. Thương cảng Cù Lao Phố nổi tiếng sầm uất một thời cũng là do giao thương được với nước ngoài, mà vai trò trong hoạt động thương mại của người Hoa ở Đồng Nai lúc bấy giờ là không thể phủ nhận. Họ không bỏ lỡ một cơ hội khai thác nào dù lớn, hay nhỏ mà họ nhìn thấy trên thương trường”<sup>7</sup>. Với khả năng nhạy bén, lanh lợi trong buôn bán, người Hoa đã xây dựng mạng lưới “chân rết” làm đại lý thu mua nguyên liệu, hàng hóa tại hệ thống chợ làng xã, chợ huyện, sau đó vận chuyển về thương cảng Cù Lao Phố. Vì vậy, mạng lưới chợ luân chuyển hàng hóa hình thành “như chợ Tân Bản (lúa gạo), Mỹ Khánh, Bình Long (vàng bạc), Chợ Đồn (gốm, cát, đá ong), Tân Mai, Vĩnh Thanh, Bình Trước, Bình Phước (lúa gạo), Đồng Bản, Thủ Đồn Xứ (gỗ quý, thú rừng), Bình Sơn (đá rửa dùng tô nhà), Phú Hội (xuất trà), An Lợi (xuất sấu riêng), Long Tân (chuối), Phước An (cá Buôi, sò huyết), Phước Khánh (lúa gạo thơm), Tam An (tôm càng), Bến Cá (tôm cá), Bến Gõ (gỗ), Hội Bài (cá), Long Phước (chuối, xoài)”<sup>8</sup>.

---

<sup>7</sup> Trịnh Thị Mai Linh (2009), *Người Hoa ở Đồng Nai*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, tr.28

<sup>8</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai, 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, tr.85

Sự cung cấp dồi dào sản phẩm hàng hóa đã thu hút nhiều thương nhân đến thương cảng Cù Lao Phố buôn bán, làm ăn. Họ mua hàng hóa, tập kết sản phẩm đủ số lượng chủ yếu từ các chợ ở vùng Biên Hòa, tiến hành xuất khẩu đi nhiều nơi trong khu vực và thế giới. Thời gian hoạt động mua bán hàng hóa của thương nhân ở Cù Lao Phố diễn ra vài ba ngày. Quy trình hoạt động mua bán của thương nhân ở đây khá chặt chẽ, khép kín, uy tín. Theo đó, người mua và người bán có sự thỏa thuận khá rõ ràng với “chủ thuyền có yêu cầu mua giúp vật gì thì người buôn ấy cũng chiếu y ước đơn mua giùm chở đến trước kỳ giao hẹn, hai bên chủ khách chiếu tính hóa đơn thanh toán rồi cùng nhau đàn ca vui chơi...”<sup>9</sup>. Phương thức mua bán của giới thương nhân người Hoa ở Biên Hòa chủ yếu qua “hoạt động thương mại Cù Lao Phố trong giai đoạn này gồm hai việc: nhập hàng hóa, “mua bao tất cả những hàng hóa tốt xấu, không bỏ sót thứ gì” để bán ra khắp xứ từ miệt dưới Mũi Xuy (Mô Xoài), Nhà Bè bao gồm cả các địa phương ở huyện Tân Bình, lên miệt trên bao gồm cả hữu ngạn và tả ngạn sông Đồng Nai, vùng trung lưu thậm chí bán ra cho các man sách, các dân tộc ít người ở thượng nguồn sông Đồng Nai”<sup>10</sup>.

Hàng hóa nhập khẩu của thương cảng Cù Lao Phố nhằm phân phối đi các chợ trong vùng Biên Hòa phổ biến là đồ sứ Trung Quốc, tơ lụa, vải, thuốc Bắc; các loại dược phẩm, nguyên liệu đồng để đúc chuông, gạch ngói để xây dựng chùa chiền, miếu mạo và các loại khác như nhang đèn, giấy tiền vàng mã, vàng bạc,... phục vụ tâm linh đối với đời sống tinh thần của nhân dân trong vùng. Như vậy, hoạt động trao đổi hàng hóa hai chiều dưới sự điều tiết của giới tiểu thương buôn bán ở hệ thống chợ truyền thống và thương nhân kinh doanh ở thương cảng Cù Lao Phố đã tạo điều kiện thuận lợi sự giao thương hàng hóa giữa các vùng miền trong nước và quốc tế. Nhân tố trung gian thúc đẩy sự giao thương hàng hóa sầm uất của thương cảng Cù Lao Phố là hệ thống chợ ở vùng đất Biên Hòa được hình thành khá

---

<sup>9</sup> Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định Thành thông chí*, sdd tr.29

<sup>10</sup> UBND tỉnh Đồng Nai (1998), sdd, tr.88

sớm nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi sản phẩm của người dân. Đồng thời, sự hoạt động mua bán nhộn nhịp của thương cảng Cù Lao Phố đã thúc đẩy hệ thống chợ phát triển mạnh mẽ về quy mô, số lượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đất Biên Hòa. Tuy nhiên, sau phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, thương cảng Cù Lao Phố ngày một trở nên hoang phế. Vì vậy, “từ đây, chỗ này biến thành gò hoang; sau khi trung hưng, người ta tuy có trở về, nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước”<sup>11</sup>. Sự suy tàn của thương cảng Cù Lao Phố do biến động của thời cuộc lúc bấy giờ đã ít nhiều tác động đến hoạt động thương nghiệp vùng đất Biên Hòa, trong đó có hệ thống chợ. Thời hoàng kim của thương cảng Cù Lao Phố kéo dài hơn 90 năm mới dần đánh mất vai trò trung tâm thương mại của Đàng Trong, thay vào đó là Chợ Lớn và Mỹ Tho.

Tóm lại, thương cảng Cù Lao Phố tồn tại non trăm năm nhưng đã để lại nhiều dấu ấn đối với hoạt động thương mại nhộn nhịp vang danh một thời ở vùng đất phương Nam. Sự phát triển của thương cảng Cù Lao Phố đã tạo điều kiện thuận lợi hệ thống chợ phát triển về quy mô buôn bán, sự đa dạng hàng hóa trong giao dịch, hình thành thêm nhiều chợ mới, giải quyết sinh kế đông đảo người dân ở vùng đất Biên Hòa thuở ban đầu mới khai phá. Hàng hóa từ thương cảng Cù Lao Phố, qua hệ thống “chân rết” của chợ, lan tỏa đi nhiều ngõ ngách của làng xóm nhằm đáp ứng nhu cầu người dân.

---

<sup>11</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập hạ, Nha quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr.114

---

# 5

---

## CHỢ Ở MIỀN ĐÔNG NAM BỘ VỚI VĂN HÓA BIỂN\*

### 5.1. Khái niệm văn hóa biển

Theo Trần Ngọc Thêm<sup>1</sup>: Văn hoá biển là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra và tích lũy được trong quá trình tồn tại lấy biển làm nguồn sống chính. Nguyễn Duy Thiệu<sup>2</sup> trong bài viết “nhận diện văn hóa biển - đảo Việt Nam” cho rằng: Định nghĩa về văn hóa biển - đảo cần được xác định một cách rõ ràng cả về văn hóa vật thể, và văn hóa phi vật thể; theo đó, văn hóa biển - đảo là hệ thống các thực thể vật chất và các thực thể tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình thích nghi với môi trường biển - đảo để sinh tồn. Mai Thị Thùy Hương<sup>3</sup> với bài viết “văn hóa biển đảo trong lịch sử Việt Nam”: Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, biển đảo đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong việc tạo lập không gian sinh tồn, hình thành nên văn hóa biển. Trong văn hóa biển đảo vật chất, Mai Thị Thùy Hương cho rằng: Nghề chính của cư dân vùng biển đảo là nghề đánh bắt thủy hải sản. Đây là nghề

---

\* Bài viết in trong “Văn hóa biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa dân gian”, Vũ Quang Dũng (2017), tuyển chọn, tập 2, NXB Công an nhân dân.

<sup>1</sup> Trần Ngọc Thêm (2011), *Văn hóa biển đảo và văn hóa biển đảo ở Khánh Hòa (cái nhìn Nha Trang 2011)*

<sup>2</sup> Nguyễn Duy Thiệu (2013), “Nhận diện văn hóa biển - đảo Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11(96) - 2015

<sup>3</sup> Mai Thị Thùy Hương (2017), “Văn hóa biển đảo trong lịch sử Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, số 22 - Tháng 12/2017

truyền thống có từ lâu đời ở các vùng biển đảo. Ở Việt Nam, có nhiều hình thức đánh bắt cá biển, song căn cứ vào nguyên lý đánh bắt chủ động hoặc thụ động có thể chia ra thành 6 họ nghề: lưới kéo, lưới vây, lưới rê, lưới vó, nghề cố định và nghề câu. Họ lưới kéo còn gọi là nghề giã hoặc nghề cào, đánh bắt chủ động nhưng tốn nhiên liệu. Đối tượng đánh bắt chủ yếu là các loại cá đáy như cá phèn, cá lạng, cá mối, cá hồng, cá nục, tôm... Họ lưới vây còn gọi là lưới bao hay lưới rút, đánh bắt chủ động, đối tượng đánh bắt chủ yếu là: mực, các loại cá cơm, cá lằm, cá trích, cá ngừ, cá bạc má... Đối với văn hóa biển đảo tinh thần Mai Thị Thùy Hương đánh giá: Cư dân biển đảo Việt Nam có cuộc sống gắn liền với môi trường biển cả bao la, thường xuyên đối mặt với sóng gió nhiều bất trắc khiến cho họ luôn tin vào những thế lực siêu nhiên, thờ cúng các vị thần linh như một sự bảo trợ an toàn khi đánh bắt cũng như hiệu quả trong công việc. Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng cá Ông gắn liền với lễ hội Cầu ngư, tục thờ cúng cô hồn của cư dân biển đảo ở khu vực miền Trung và Nam Bộ Việt Nam là một trong những tín tục đặc sắc, liên quan trực tiếp đến yếu tố văn hóa sông nước, biển đảo. Tập tục này thể hiện xuyên suốt trên dải đất ven biển và hải đảo, tuy nhiên ở mỗi vùng miền khác nhau lại có những sắc thái riêng, hình thức biểu hiện cũng rất phong phú như miếu âm linh, lăng thờ, nghĩa trũng, lễ tế âm linh, tống ôn, chèo đưa linh, hát Bả trạo...

Qua các nghiên cứu về văn hóa biển - đảo có thể kết luận "*văn hóa biển*" là hệ thống các giá trị về vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra và được tích lũy trong quá trình tồn tại lấy biển làm nguồn sống chính. Trong đó, *văn hóa biển vật chất* là nghề đánh bắt động thực vật thủy hải sản, làm muối,...; *văn hóa biển tinh thần* là tập tục, tín ngưỡng, lễ hội,... của cư dân ven biển. Trong suốt chiều dài lịch sử, *văn hóa biển vật chất* ở miền Đông Nam Bộ có sự tác động lớn đối với hệ thống chợ ven biển nói riêng, chợ toàn vùng nói chung. Đồng thời, hệ thống chợ nơi này giúp lan tỏa *văn hóa biển vật chất* (các loài động thực vật thủy hải sản, muối...) đến với người

dân miền Đông Nam Bộ và các khu vực phụ cận. Hệ thống chợ nơi này trở thành cầu nối trung gian thúc đẩy nghề đánh bắt, nuôi trồng động thực vật thủy hải sản ven biển miền Đông Nam Bộ phát triển đáp ứng nhu cầu hội nhập của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

## 5.2. Khái quát vùng ven biển miền Đông Nam Bộ

### 5.2.1. Dân cư

Biển miền Đông Nam Bộ trải dài hơn 120km qua hai địa phương Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Xứ Mô Xoài - Bà Rịa là nơi mở đầu đối với quá trình định cư, lập nghiệp đầu tiên của người Việt mở nước về phương Nam. Nơi đây có điều kiện tự nhiên ưu đãi, thủy sản từ biển dồi dào, đất đai thuận lợi canh tác, nguồn lâm thổ sản phong phú, nhanh chóng trở thành địa bàn tụ cư đông đúc của cư dân Việt. Vùng Mô Xoài có hai làng Việt được thành lập sớm là Long Hương và Phước Lễ là “những ngôi làng đầu tiên mà người Việt lập ra ở vùng đất này. Hai ngôi làng nằm dưới chân núi, núi ấy mang tên núi Mô Xoài. Hai làng nằm hai bên con sông, sông mang tên Mô Xoài”<sup>4</sup>. Khi dân cư hai làng ngày một đông đúc, hoạt động trao đổi hàng hóa diễn ra tại chợ Phước Lễ và Long Hương ngày một tăng, trong đó sản phẩm thủy sản không thể thiếu nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân vùng Mô Xoài và dân Man lân cận.

Ra đời muộn hơn hai làng Long Hương, Phước Lễ, ba làng Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam thành lập khoảng cuối thế kỷ XVIII. Ba làng này ra đời tọa lạc sát biển gắn liền với tên gọi địa danh Vũng Tàu. Nguồn gốc địa danh Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam được Quốc sử quán triều Nguyễn ghi: “Tháng 11 năm 1790, miễn lao dịch cho thuộc binh và dân phụ lữ ở các đạo thủ cửa biển bốn dinh. Dinh Phiên Trấn, đạo thủ cửa biển Đồng Tranh; dinh Trấn Biên, đạo thủ Xích Lam... đạo thủ Vũng

---

<sup>4</sup> Nguyễn Đình Thống (2011), *Xứ Mô Xoài - địa điểm định cư lập làng đầu tiên của người Việt trên đất Nam Bộ*, Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, NXB Thế giới, tr.261

Tàu Ghềnh Rái, ba thuyền Thăng Nhất, Thăng Nhì, Thăng Tam thuộc binh”<sup>5</sup>. Với hoạt động sinh kế thuận lợi từ biển, dân cư ba làng này ngày một đông đúc, phố xá trù mật, chợ búa mua bán thủy sản sầm uất. Từ ba làng sơ khai ban đầu, “khoảng một thế kỷ sau, nơi đây đã biến thành một thị trấn phồn thịnh. Ba làng Thăng Nhất, Thăng Nhì, Thăng Tam ấy gọi chung là Tam Thoàn”<sup>6</sup>. Ngoài ra, Vương Hồng Sển nghiên cứu thêm “Vũng Tàu: mũi đá thuộc làng Thăng Tam, tổng An Phú Thượng, thuộc tỉnh Bà Rịa cư dân đông đúc,...”<sup>7</sup>. Cư dân vùng Mô Xoài, Vũng Tàu sống bằng nghề đánh bắt cá biển và làm muối là chủ yếu. Lê Quang Định mô tả vùng này trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* với “hai bên đều là rừng chàm, đến rạch Mụ Địa, rạch ở bờ bên trái, chảy lên hướng Bắc 875 tầm là hết, ở đây có dân cư đông đúc, tục gọi là chợ Bến Đò, thuyền bè buôn bán neo đậu rất đông đúc; 1000 tầm đến cửa Tắc Khái, lệ đặt thủ ngự và lính canh ở đồn cửa biển này, có cất dân phụ lũy tức thôn Giếng Vững. Hai bên cửa có dân cư trù mật, bên bờ Nam gọi là Cửa Lấp, bờ Bắc thì gọi là Giếng Vững Lấp, dân ở đây chuyên nghề chài lưới”<sup>8</sup>.

Sài Gòn là điểm đến kế tiếp của cộng đồng dân cư nơi này trên bước đường “mưu sinh” về vùng đất mới. Khoảng cách từ Bến Nghé đến biển Đông khoảng 60km với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt thuận lợi đối với giao thông đường thủy. Theo sử liệu, từ cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII, lưu dân Việt đã cư trú rải rác vùng Sài Gòn - Bến Nghé. Cần Giờ là điểm đầu giáp biển của vùng đất Gia Định, Đồng Nai, có điều kiện thuận lợi sinh kế đối với người dân phiêu tán lập nghiệp. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi đánh giá Cần Giờ xưa là “điểm đầu mối giao lưu kinh tế, nơi có phố chợ trù mật, dân cư chủ yếu làm nghề đánh cá, thuyền buôn tấp nập. Cộng đồng ngư dân ở đây đã

---

<sup>5</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, sđd, tr.266

<sup>6</sup> Dẫn theo Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn văn hóa biển*, tr.47

<sup>7</sup> Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, sđd, tr.713

<sup>8</sup> Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Phan Đăng dịch, chú giải và giới thiệu, NXB Thuận Hóa, tr.311-312

được định hình ít nhất từ nửa đầu thế kỷ XVIII. Sinh hoạt kinh tế của dân địa phương là đánh cá ven biển, buôn bán ven đôn, trồng trọt trên những giồng đất cao. Trước khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý đất phương Nam (1698), thì nơi đây đã xuất hiện những làng biển, làng rừng”<sup>9</sup>.

Cuối thế kỷ XVII, thế lực chúa Nguyễn ở Biên Hòa, Gia Định đã tăng lên mạnh mẽ, điều đó đã khuyến khích làn sóng nhập cư của người Việt trên vùng đất mới ngày một thêm đông. Từ các làng ven biển, người Việt từng bước tiến dần phạm vi định cư vào sâu trong nội địa, trước hết là ven hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Với sự hấp dẫn “Nhà Bè nước chảy chia hai/Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”, câu ca dao xưa cho thấy Đồng Nai và Gia Định là những vùng đất hấp dẫn đối với cư dân Việt “tha phương cầu thực” chọn làm quê hương mới. Khi dân cư miền Đông Nam Bộ ngày một đông đúc, hệ thống chợ ven biển, ven sông hình thành ngày một nhiều nhằm thỏa mãn nhu cầu trao đổi hàng hóa cho người dân, trong đó sản phẩm thủy sản từ biển không thể thiếu. Hệ thống chợ nơi này trở thành cầu nối cung ứng, tiêu thụ thủy sản từ biển miền Đông Nam Bộ với các loài cá, tôm, cua, ốc, sò,... như ca dao Nam Bộ quen thuộc ngợi ca: đạo nào vui bằng đạo đi buôn/xuống biển lên nguồn gạo chợ nước trong<sup>10</sup>.

### *5.2.2. Nguồn lợi thủy sản biển miền Đông Nam Bộ*

Biển Việt Nam có 2.038 loài với 4 nhóm sinh thái chủ yếu: nhóm cá nổi 260 loài, nhóm cá gần tầng đáy 930 loài, nhóm cá đáy 502 loài và nhóm cá san hô 304 loài. Nhìn chung, nguồn lợi cá biển nước ta có thành phần loài đa dạng, kích thước cá thể nhỏ, tốc độ tái tạo cao. Cá biển ở vùng biển Việt Nam thường

---

<sup>9</sup> Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Sài Gòn đất và người*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.177

<sup>10</sup> Ngô Văn Lệ (2009), *Văn hóa người Việt Nam Bộ: Truyền thống và biến đổi*, in trong kỷ yếu khoa học lần thứ 2: Máy vấn đề lịch sử xã hội - Đề án khoa học xã hội cấp Nhà nước - Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, tr.348

sông phân tán, ít kết đàn; nếu có kết đàn, kích thước đàn không lớn. Số đàn cá mang đặc điểm sinh thái vùng gần bờ chiếm 68%, các đàn cá mang tính đại dương chiếm 32%. Trong đó: 130 loài có giá trị thương mại, 30 loài thường xuyên được đánh bắt. Trữ lượng với 4,2 triệu tấn, sản lượng khai thác tối đa bền vững. Sự phân bố trữ lượng cá ở các vùng biển như sau: Vịnh Bắc Bộ có trữ lượng 681.200 tấn, khả năng cho phép khai thác 272.500 tấn/năm; Vùng biển miền Trung có trữ lượng 606.400 tấn, khả năng cho phép khai thác 242.600 tấn/năm; Vùng biển miền Đông Nam Bộ có trữ lượng 2.075.900 tấn, khả năng cho phép khai thác 830.400 tấn/năm; Vùng biển Tây Nam Bộ có trữ lượng 506.700 tấn, khả năng cho phép khai thác 202.300 tấn/năm<sup>11</sup>. So với số liệu nguồn lợi thủy sản các nơi khác, vùng biển miền Đông Nam Bộ có trữ lượng lớn nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân nơi đây sinh kế đánh bắt thủy sản qua bao thế hệ. Hệ thống chợ ven biển miền Đông Nam Bộ được hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán thủy sản biển giữa ngư dân và người tiêu dùng. Sản phẩm thủy sản sau khi đánh bắt, được vận chuyển đến các chợ ven biển, dưới tác động trung gian các tiểu thương mua bán thủy sản, sản phẩm của ngư dân lan tỏa đi nhiều chợ toàn miền Đông Nam Bộ và các vùng phụ cận.

Ngoài nguồn lợi thủy sản nước biển, ven biển nơi đây có nhiều cửa sông rạch; vì vậy, thủy sản nước lợ, nước ngọt tạo thêm sự đa dạng sản phẩm tại các chợ ven biển, ven sông. Bên cạnh nguồn lợi động vật thủy sản, biển miền Đông Nam Bộ có nhiều loài thực vật biển với giá trị dược liệu quý từ các loài hải miên, da gai, san hô,... Nghề làm muối là sinh kế của diêm dân bao thế hệ ở xã Long Sơn (TP. Vũng Tàu), xã An Ngãi, thị trấn Long Điền (huyện Long Điền),...của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

---

<sup>11</sup> Dẫn theo Nguyễn Văn Tư  
([www.hcmuaf.edu.vn/.../TSDC%20-Hien%20trang%20Thuy%20san%](http://www.hcmuaf.edu.vn/.../TSDC%20-Hien%20trang%20Thuy%20san%20)), truy cập ngày 01/5/2015

huyện Cần Giờ của Thành phố Hồ Chí Minh có nghề làm muối ở xã Lý Nhơn, Thạnh An, Long Hòa và thị trấn Cần Thành. Các loài thực vật và muối ở biển miền Đông Nam Bộ không thể thiếu vắng đối với hệ thống chợ nơi này trong suốt chiều dài lịch sử đã qua.

### 5.3. Chợ với văn hóa biển

#### 5.3.1. Chợ ở Bà Rịa - Vũng Tàu

Vùng ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu sớm trở thành nơi định cư đông đảo của lưu dân Việt. Khi dân cư ngày một đông đúc, chợ nơi này lần lượt ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi sản phẩm hàng hóa nói chung, thủy sản của ngư dân nói riêng. Ban đầu chợ nơi đây còn thưa thớt, dần dà dân cư đông đúc, hoạt động mua bán tấp nập hơn, Lê Quang Định chép vùng Mô Xoài có “chợ Bến Đò, thuyền bè buôn bán neo đậu rất đông đúc”<sup>12</sup>. Bà Rịa có chợ Lưới Rê với cảnh mua bán thủy sản tấp nập, “cảnh chợ Lưới Rê ở Bà Rịa được ghi lại trong bài thơ Vững Thị ngư đăng (Đền chài ở chợ Lưới Rê), đó là cảnh chợ đêm họp ngay ở hiện trường giăng lưới bắt cá trên sông. Lưới chắn ngang dòng kết chợ phiên/Bên sông đèn lạnh nghiệp ngư truyền/Vườn cau ánh chiếu chim mơ khiếp/Dưới sông bóng chìm cá vọt lên”<sup>13</sup>. Đại Nam nhất thống chí đề cập: “Chợ Long Thịnh ở thôn Long Thịnh huyện Phước An, tục gọi là chợ Đò, nhà cửa san sát, nhóm chợ theo đường thủy và đường bộ; Chợ Hắc Lãng ở thôn Hắc Lãng huyện Phước An, gần đây có núi Bà Rịa, có tên là chợ Bà Rịa”<sup>14</sup>. Như vậy, ngay từ rất sớm vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu nhiều chợ đã ra đời giữ vai trò mua bán thủy hải sản phục vụ nhu cầu dân cư ven biển nơi đây.

---

<sup>12</sup> Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, sđd tr. 311

<sup>13</sup> Gia Định tam gia (2006), *Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tĩnh, Lê Quang Định*, Hoài Anh dịch - chú giải, Huỳnh Văn Tới, Bùi Quang Huy hiệu đính và giới thiệu, NXB Đồng Nai, tr.50-51

<sup>14</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, tập 2, NXB Lao động, tr.1652,1653.

Bước sang thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước trong thế kỷ XXI, hệ thống chợ thủy sản giữ vai trò rất quan trọng đối với đánh bắt thủy sản vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã sớm đề ra chiến lược phát triển ngành thủy sản; trong đó, chợ thủy sản được từng bước đầu tư theo sự phát triển mới nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa thủy sản cho người tiêu dùng. Chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chủ trương “xây dựng chợ đầu mối thủy sản để cung cấp cho các khu vực Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ trên địa bàn các địa phương trọng điểm nghề cá. Xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế liên doanh, liên kết với đối tác trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng chợ đầu mối thủy sản. Tranh thủ nguồn vốn của Trung ương, các tổ chức phi chính phủ...đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện các khu neo đậu tránh trú bão tàu cá, các cảng cá, bến cá, chợ cá đã có, phát triển thêm một số cảng cá, bến cá, chợ cá ở những địa phương có nghề cá phát triển; Xây dựng mô hình cảng cá, bến cá, chợ cá sạch ở các cảng cá, bến cá, đảm bảo trật tự, văn minh, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường; Xây dựng hệ thống chợ đầu mối với các loại chợ nhỏ lẻ có quy định và tổ chức lại việc tham gia của các chủ vựa, nậu đang hoạt động và đang có vai trò lớn trong dịch vụ, tiêu thụ các sản phẩm khai thác, tạo sự liên kết hài hòa trong thương mại nghề cá; Xây dựng cơ sở sản xuất nước đá tại các cảng cá, bến cá, chợ cá, bảo đảm cung ứng đủ nước đá cho bảo quản sản phẩm, cung cấp nước đá đủ cho nhu cầu vận chuyển sản phẩm nội địa...”<sup>15</sup>. Qua chủ trương này, chợ cá giữ vai trò rất quan trọng trong chuỗi phát triển ngành thủy sản của tỉnh. Chợ cá trở thành nơi trung chuyển hàng hóa thủy sản từ nơi đánh bắt đến nơi tiêu thụ cho toàn tỉnh, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đặc biệt năm 2012, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề ra chủ trương xây dựng hệ thống chợ đầu mối với

---

<sup>15</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2013), Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 11/9/2013, *phê duyệt phát triển khai thác, cơ khí, cảng cá và dịch vụ hậu cần thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020*, tr.10-11

các loại chợ nhỏ lẻ có quy định và tổ chức lại việc tham gia của các chủ vựa, nậu đang hoạt động và có vai trò lớn trong dịch vụ, tiêu thụ các sản phẩm khai thác như chợ đầu mối thủy sản Cát Lỡ (TP Vũng Tàu), chợ Phước Tỉnh (huyện Long Điền), chợ Bà Rịa,... Từ thực tiễn hoạt động của hệ thống chợ thủy sản, địa phương Bà Rịa - Vũng Tàu đã “xây dựng 2 chợ đầu mối thủy sản tại cảng Cát Lỡ và cảng Phước Tỉnh, tiến tới hình thành sàn giao dịch thủy sản tại hai chợ đầu mối này. Ngoài ra, các chợ cá tại các cảng cá, bến cá và điểm mua bán cá các chợ trong dân cũng cần được bố trí sắp xếp lại theo quy hoạch dân cư đô thị của tỉnh và các địa phương nhằm đảm bảo vệ sinh, mỹ quan, khoa học, thuận tiện cho người mua, người bán. Chú ý đến các chợ cá vùng nông thôn xa trung tâm để xóa dần sự cách biệt chênh lệch khả năng tiêu dùng thủy sản giữa các địa phương trong tỉnh”<sup>16</sup>. Đến năm 2015, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 86 chợ với 5 chợ loại I, 19 chợ loại II, 62 chợ loại III. Hệ thống chợ truyền thống được chính quyền địa phương quan tâm đặc biệt với định hướng phát triển chợ dân sinh “là loại hình thương mại chủ yếu trên địa bàn nông thôn của tỉnh trong thời kỳ đến năm 2020. Số lượng và tiến độ xây dựng chợ dân sinh ở mỗi thời kỳ sẽ căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng địa bàn và gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Trước tiên, tập trung nâng cấp cải tạo các chợ hiện có đã xuống cấp, mở chợ mới ở các xã có mật độ dân số cao, có nhu cầu mở chợ, từng bước xóa bỏ chợ tạm, chợ không có tổ chức,... Khi xác định địa điểm mở chợ dân sinh cần nghiên cứu, xem xét các chợ tạm đang hoạt động ở các xã, thôn hoặc mở chợ gắn với quy hoạch các khu dân cư mới, khu nhà ở thương mại”<sup>17</sup>. Bên cạnh hệ thống chợ dân sinh, chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từng bước lập quy

---

<sup>16</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2012), Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 05/12/2012, về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chế biến và tiêu thụ thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, tr.4-5

<sup>17</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2014), Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống chợ tỉnh giai đoạn 2013-2025, tr.9.

hoạch hệ thống chợ buôn bán tổng hợp nhằm tạo sự tăng trưởng trong hoạt động thương nghiệp. Chợ bán buôn tổng hợp “thường có quy mô lớn (hạng I hoặc hạng II), phát triển chủ yếu tại các thị trấn, thị tứ, nơi tập trung đông dân cư, nơi có truyền thống buôn bán từ lâu đời. Đây là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”<sup>18</sup>. Trong số 86 chợ toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chợ thủy sản chiếm số lượng khá lớn vùng ven biển, ven sông đảm bảo nhu cầu trao đổi sản phẩm thủy sản đối với địa phương, miền Đông Nam Bộ và các khu vực phụ cận.

### ***5.3.2. Chợ ở Thành phố Hồ Chí Minh***

Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế lớn nhất Nam Bộ và cả nước. Chiều dài đường bờ biển của Thành phố Hồ Chí Minh là hơn 20km. Huyện ven biển Cần Giờ của Thành phố này với hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản giữ vai trò rất quan trọng. Cư dân Cần Giờ, Nhà Bè lấy đánh bắt thủy hải sản làm sinh kế chủ yếu đối với bản thân từ rất sớm khi đến vùng đất Sài Gòn - Gia Định. Nhiều loại hải sản được ngư dân vùng Cần Giờ, Nhà Bè đánh bắt từ biển, cửa sông - biển và đưa đến các chợ thủy sản đầu mối buôn bán, từ các chợ hải sản đầu mối này, hàng hóa được luân chuyển đến nhiều chợ khác ở Sài Gòn, các chợ địa phương miền Đông Nam Bộ tiêu thụ, nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi đã khẳng định: “Cần Giờ xưa là điểm đầu mối giao lưu kinh tế, nơi có phố chợ trù mật, dân cư chủ yếu làm nghề đánh cá, thuyền buôn tấp nập”<sup>19</sup>. Trải qua 320 năm hình thành, phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất nước, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chiếm 1/3 tỷ trọng GDP cả nước. Số lượng chợ nói chung, chợ thủy sản nói

---

<sup>18</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2014), Tlđđ, tr.9.

<sup>19</sup> Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Sài Gòn đất và người*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, tr.177.

riêng tăng theo tỷ lệ thuận sự phát triển của vùng đất này. Năm 2009, Chính quyền Thành phố đã phê duyệt đề án phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020<sup>20</sup>.

Năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh có 240 chợ truyền thống<sup>21</sup>. Theo đó, hệ thống chợ truyền thống từng bước thay đổi hình thức quản lý và kinh doanh. Thực hiện quá trình “từng bước đổi mới phương thức quản lý đối với các chợ; áp dụng mô hình doanh nghiệp đầu tư khai thác kinh doanh chợ thay cho mô hình Ban quản lý (doanh nghiệp đấu thầu thuê lại mặt bằng chợ từ Nhà nước để đầu tư khai thác kinh doanh) nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả mặt bằng chợ; đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm và mỹ quan đô thị. Đồng thời, chuyên nghiệp hóa hoạt động khai thác kinh doanh chợ; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm đối với mô hình doanh nghiệp đầu tư khai thác kinh doanh chợ”<sup>22</sup>. Ngoài đổi mới phương thức quản lý hệ thống chợ truyền thống, trong đó có chợ thủy sản, Thành phố đã chủ trương xây dựng chuỗi chợ đầu mối ven trung tâm nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động trao đổi hàng hóa. Thành phố Hồ Chí Minh đã “xây dựng thương hiệu 3 chợ đầu mối nông sản thực phẩm tập trung trong năm 2009. Phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và khuyến khích liên kết giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp bán lẻ trong việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để cung ứng các dịch vụ phân loại, sơ chế, đóng gói bao bì đối với hàng hóa nông sản, thực phẩm. Hàng hóa vào các chợ đầu mối Thành phố phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phải được sơ chế, phân loại, đóng gói, bao bì, dán nhãn mác hàng hóa từ nơi thu hoạch đến

---

<sup>20</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (2009), Quyết định số 41/2009/QĐ-UBND ngày 09/6/2009, *phê duyệt đề án phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020*, tr.3.

<sup>21</sup> Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám Thống kê*, NXB Thống kê, tr.547

<sup>22</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (2009), *Tlđđ*, tr.7

nơi sản xuất, chế biến”<sup>23</sup>. Chợ Bình Điền là một trong ba chợ đầu mối lớn nhất của Thành phố Hồ Chí Minh, chợ này tọa lạc tại phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chợ đầu mối thủy hải sản Bình Điền là chợ thủy sản lớn nhất Nam Bộ. Chợ đầu mối Bình Điền được đầu tư xây dựng hơn 197 tỉ đồng, quy mô 24,75 ha (toàn bộ khuôn viên của khu thương mại là 48,08 ha), nhằm hình thành khu chợ đầu mối thủy hải sản phía Nam Thành phố. Khu nhà lồng chợ có diện tích gần 30.844m<sup>2</sup>, trong đó chứa khoảng 600 sạp, vừa; bình quân 35m<sup>2</sup>/sạp, vừa. Hàng hóa thủy sản bán buôn chủ yếu tại chợ có nguồn gốc từ biển miền Đông Nam Bộ. Theo thống kê của cơ quan chức năng, mỗi ngày đêm (chủ yếu là trong đêm) chợ đầu mối Bình Điền Thành phố Hồ Chí Minh buôn bán đi 1.700 - 1.750 tấn hàng hóa (đa phần là hàng thủy hải sản tươi, sống). Trong đó, thủy hải sản 700 tấn, rau củ quả 700 tấn, thịt 200 tấn, trái cây 100 tấn,... Doanh thu của chợ cũng là kỷ lục đạt 65-70 tỷ đồng/đêm<sup>24</sup>. Sản phẩm thủy sản tại chợ đầu mối Bình Điền rất đa dạng về chủng loại, phong phú về kích cỡ. Trọng chợ có 442 quầy hàng bán sản phẩm thủy hải sản cạnh tranh với nhau ở nhiều loại mặt hàng như nghêu, sò, ốc, cua, ghẹ, cá các loại,... với nhiều nguồn, nhiều tỉnh khác nhau, trong đó sản phẩm thủy sản biển miền Đông Nam Bộ nhiều nhất. Tuy đường đi xa, chi phí vận chuyển cao nhưng giá cả có thể nói chỉ bằng hơn phân nửa giá hải sản ở các tỉnh lân cận Sài Gòn nên không ít lần khách mua cũng ngạc nhiên<sup>25</sup>. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh: “Thành phố có các chợ cá đầu mối và 220 chợ cá lớn nhỏ, tiêu thụ hàng trăm tấn cá/ngày và nếu tính sử dụng cho cả chế biến, hàng năm tại TP HCM tiêu thụ đạt hơn 200.000 tấn thủy sản có giá trị các loại (chiếm hơn 10% tổng sản

---

<sup>23</sup> UBND TP Hồ Chí Minh (2009), Tlđđ, tr.8

<sup>24</sup> Dẫn theo Trần Nguyên báo Tiền Phong 8/2011, *Trăng đêm giữa chợ khùng Bình Điền*, (Truy cập ngày 29/5/2015)

<sup>25</sup> Dẫn theo <http://www.foody.vn/bai-viet/hcm-top-5-dia-diem-mua-hai-san-cua-ghc-ngon-389>, (Truy cập ngày 29/5/2015)

lượng khai thác nuôi trồng cả nước). Thành phố đang triển khai từng bước việc di dời các chợ thủy sản trong nội thành ra các chợ đầu mối lớn nông thủy sản ở ngoại thành”<sup>26</sup>. Qua số liệu này, Thành phố Hồ Chí Minh có sức tiêu thụ hàng thủy sản lớn nhất cả nước. Hệ thống chợ chuyên doanh, bán chuyên doanh hàng thủy sản giữ vai trò chủ chốt đối với tiêu thụ hàng hóa vật chất từ biển. Nguồn thủy sản cung cấp chủ yếu đối với Sài Gòn và các tỉnh lân cận từ biển miền Đông Nam Bộ. Ngoài ra, nhiều chợ hiện đại dưới hình thức siêu thị, trung tâm thương mại đã góp phần tiêu thụ đáng kể hàng hóa thủy sản biển miền Đông Nam Bộ.

### 5.3.3. Chợ ở Đồng Nai

Hiện nay, điểm đầu phía Nam của tỉnh Đồng Nai có huyện Nhơn Trạch hướng ra biển Đông với khoảng cách chưa đến 50km. Hệ thống sông Đồng Nai phối lưu cùng hệ thống sông Sài Gòn tạo thành vùng nước lợ cửa biển Nhà Bè, Cần Giuộc với nguồn lợi thủy sản rất phong phú, đa dạng đối với sinh kế của ngư dân. Huyện Nhơn Trạch, xã Phước An có chợ cá khá đặc biệt, chợ này chỉ họp lúc gần sáng (3-5 giờ sáng mỗi ngày), thời gian họp chợ khá ngắn khoảng 2-3 tiếng đồng hồ. Thủy sản bán tại chợ này đều được đánh bắt tự nhiên trên các sông nước lợ đổ ra biển Cần Giuộc. Người dân huyện Nhơn Trạch hãnh diện về chợ đầu mối bán cá nước lợ này. Nguồn cá của ngư dân đánh bắt ở các sông Thị Vải, Lòng Tàu và Đồng Tranh đưa về bán ở chợ này. Ban ngày chợ cá nơi đây vắng vẻ, không ai buôn bán, nhưng khi đêm về lại tấp nập người mua kẻ bán. Theo Khắc Giới<sup>27</sup>, với 4 chiếc đèn compact đủ soi sáng cho khu đất rộng vài trăm mét vuông ven sông Thị Vải để người dân họp chợ. Chưa đến 3 giờ sáng, các đầu mối mua gom thủy sản đã có mặt ở đây

---

<sup>26</sup> Dẫn theo [www.sonongnghiep.hochiminhcity.gov.vn/.../post.aspx?...Thủy+sản..](http://www.sonongnghiep.hochiminhcity.gov.vn/.../post.aspx?...Thủy+sản..) (Truy cập 30/5/2015)

<sup>27</sup> Dẫn theo Khắc Giới, *Chợ cá Phước An - xã Phước An - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai*, Báo điện tử Đồng Nai [www.baodongnai.com.vn/kinhjte/201309/cho-ca-phuoc-an-2264959](http://www.baodongnai.com.vn/kinhjte/201309/cho-ca-phuoc-an-2264959) (ngày truy cập 05/6/2015).

chờ ghe cá về. Hơn 3 giờ sáng, bầu không khí tĩnh lặng của một vùng sông nước xung quanh toàn cây đước với cây bần bị phá vỡ bởi tiếng ghe máy nhỏ (loại dùng để đi lại và chở cá bán) phành phạch chạy vào, mỗi lúc một đông, khuấy động không gian nơi đây. Trên bờ, các loại xe máy buôn cá hối hả tới nơi chuẩn bị nhận thủy hải sản chuyển đến hệ thống chợ trong vùng nhằm kịp buổi chợ sớm phục vụ nhu cầu người dân. Phần đông ngư dân khai thác thủy sản trên vùng nước lợ này là người ở huyện Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh); huyện Cần Giuộc (tỉnh Long An) và một số người dân địa phương với 4 kiểu đánh bắt chính: đóng đáy, đi te, thả lưới và câu. Như vậy, chợ cá Phước An giữ vai trò rất quan trọng việc tập hợp hải sản và phân phối đi nhiều chợ tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo chính quyền địa phương, chợ cá Phước An có diện tích khá lớn, hình thành từ năm 2006. Đây là chợ cá tự phát, chính quyền xã chỉ hỗ trợ công tác an ninh trật tự. Huyện Nhơn Trạch đã lập dự án xây dựng chợ cá đạt tiêu chuẩn hiện đại nơi này nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa thủy sản đối với ngư dân và người tiêu dùng, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### **5.4. Nhận xét**

Trải qua hơn 300 năm thăng trầm biến đổi, miền Đông Nam Bộ trở thành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Sự tác động văn hóa biển (văn hóa vật chất - các sản phẩm từ thủy sản biển) đến cư dân nơi đây chưa bao giờ ngơi nghỉ. Trái tim kết nối văn hóa biển (văn hóa vật chất) miền Đông Nam Bộ đối với cư dân nơi này là hệ thống chợ, đặc biệt chợ thủy hải sản. Chợ thủy sản ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh) trở thành nơi thu gom sản phẩm từ ngư dân, thông qua lực lượng thương nhân chuyên doanh, hàng hóa thủy sản lan tỏa đến hệ thống chợ chân rết (761 chợ năm 2015) của toàn miền Đông Nam Bộ. Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, chợ thủy hải sản tiếp tục được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền địa phương với nhiều dự án đã và đang xây dựng hệ thống chợ đầu mối thủy sản nhằm mở rộng ngư trường biển miền Đông Nam Bộ, khai

thác nguồn lợi thủy sản xa bờ, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Hiện nay, chợ ở miền Đông Nam Bộ nói riêng, chợ cả nước nói chung sẽ tiếp tục phát huy chức năng, vai trò của mình trong kết nối văn hóa biển vật chất đến toàn thể dân tộc Việt Nam trên bước đường hướng tới tương lai. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế của chúng tôi tại 18 chợ thành phố Vũng Tàu, 04 chợ thành phố Bà Rịa; 06 chợ huyện Cần Giờ, 04 chợ huyện Nhà Bè của Thành phố Hồ Chí Minh với kết quả đáng báo động. Sản phẩm thủy hải sản tại các chợ này rất phong phú, đa dạng. Thế nhưng, rất nhiều loại cua, ghe, cá,... nhỏ chưa đến kích cỡ, trọng lượng đánh bắt, khai thác. Một bộ phận ngư dân khai thác theo hình thức tận diệt, thủy hải sản lớn nhỏ đều bắt hết, không bỏ sót loại nào. Mặc dù chính quyền địa phương đã đề ra chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản biển miền Đông Nam Bộ bằng hình thức “tăng cường công tác quản lý tàu thuyền khai thác nhằm hạn chế tối đa việc sử dụng ngư cụ và các tàu thuyền khai thác hủy diệt. Thống kê, đánh giá hiện trạng khai thác thủy sản hàng năm theo các tiêu chí thống nhất thông qua hệ thống thông tin thống kê nghề cá; nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý mới trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản như quản lý, quản lý dựa vào cộng đồng; hình thành và phát triển các cộng đồng, tổ chức liên kết (tập đoàn đánh cá), hợp tác (hợp tác xã), tổ đội trong khai thác vừa là điều kiện tốt cho quản lý nghề cá, thu nhận các thông tin vừa tạo thế mạnh tập thể, cộng đồng hỗ trợ nhau trong hoạt động trên biển”<sup>28</sup> nhưng trên thực tế hiệu quả còn hạn chế. Để bảo vệ di sản văn hóa biển (văn hóa vật chất), khai thác lâu dài nguồn lợi thủy sản, cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức, chế tài quyết liệt đối với một bộ phận ngư dân đánh bắt, tiêu thương tiếp tay bán buôn thủy hải sản chưa đúng kích cỡ tại các chợ.

---

<sup>28</sup> UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2013), Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 11/9/2013, *phê duyệt phát triển khai thác, cơ khí, cảng cá và dịch vụ hậu cần thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020*, tr.12

Nghiên cứu mối quan hệ giữa chợ ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với văn hóa biển miền Đông Nam Bộ, giúp tái hiện bức tranh hoạt động đánh bắt thủy sản của ngư dân, buôn bán nhộn nhịp của tiểu thương suốt 320 năm qua. Qua đó, giúp chúng ta thấy được tầm quan trọng của hệ thống chợ nơi này đối với mối quan hệ tương sinh giữa con người và văn hóa biển (văn hóa vật chất). Từ đó, giúp mỗi người chúng ta trân trọng những giá trị văn hóa biển (văn hóa vật chất), ra sức bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản, khai thác lâu dài và hiệu quả. Vì vậy, nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi trần trở: “lâu nay chúng ta chỉ biết quan tâm đến việc khai thác các nguồn lợi từ biển mà ít chú ý đến việc xây dựng nền văn hóa biển. Đất nước thiếu hụt hẳn một truyền thống văn hóa biển đại dương, với những tri thức, ứng xử, tâm thế hướng biển... Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, vốn là thế yếu của chúng ta bấy lâu nay”<sup>29</sup>.

---

<sup>29</sup> Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, tr.372-373

của giới tiểu thương buôn bán ở chợ truyền thống là hoạt động cần thiết làm phương tiện sống của người tham gia mua bán, trao đổi hàng hóa giữa người sản xuất ra sản phẩm và người tiêu dùng ở chợ (người sản xuất - người tiểu thương - người tiêu dùng). Chợ truyền thống ở miền Đông Nam Bộ trở thành đối tượng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giới tiểu thương buôn bán ở chợ sẽ là cầu nối rất quan trọng đối với giữ gìn bản sắc văn hóa chợ truyền thống và thúc đẩy phát triển du lịch thời kỳ hội nhập. Sự thích ứng sinh kế tích cực của giới tiểu thương buôn bán ở chợ với phát triển hệ thống chợ truyền thống của miền Đông Nam Bộ sẽ góp phần mang lại phồn thịnh của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian tới. Theo đó, thích ứng sinh kế giữa giới tiểu thương buôn bán ở chợ truyền thống đối với phát triển thương nghiệp có thể diễn ra theo hai hình thức sau:

*Thích ứng tự phát* (Autonomous adaptation) là những hoạt động thích ứng được thực hiện mang tính phản xạ nhằm đối phó với các tác động thực tế của bối cảnh đang diễn ra mà không có sự can thiệp của chính sách. Đó thường là điều chỉnh mang tính tạm thời và thường diễn ra trong ngắn hạn<sup>3</sup>.

*Thích ứng có kế hoạch* (Planned adaptation) là những hoạt động thích ứng được lập kế hoạch và có sự cân nhắc thận trọng về nguồn lực trong bối cảnh đã dự đoán trước. Thích ứng có kế hoạch, thường là điều chỉnh mang tính chiến lược, chủ động để giải quyết các rủi ro theo cách đáp ứng tốt nhất các mục tiêu của xã hội và thường diễn ra dài hạn<sup>4</sup>.

Như vậy, sự thích ứng sinh kế của giới tiểu thương buôn bán ở chợ truyền thống đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Đông Nam Bộ là thiết thực, quan trọng được Đảng, Nhà nước rất quan tâm trong thời gian qua. Trong đó, thích ứng có kế hoạch đối với sinh kế của giới tiểu thương buôn bán, trao đổi hàng hóa ở

---

<sup>3</sup> Dẫn theo <https://www.ipcc.ch/pdf/glossary/ar4-wg2.pdf> (Truy cập ngày 25/6/2015)

<sup>4</sup> Dẫn theo <https://www.ipcc.ch/pdf/glossary/ar4-wg2.pdf> (Truy cập ngày 25/6/2015)

chợ truyền thống được chính quyền các địa phương ở miền Đông Nam Bộ chú trọng thông các kế hoạch, dự án xây dựng hệ thống chợ mới, sửa chữa, nâng cấp chợ cũ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Ngược thời gian trở về quá khứ, miền Đông Nam Bộ là điểm đầu tiên trình mở nước về phương Nam của các thế hệ lưu dân Việt. Ngày ấy, trước khi người Việt đến định cư, miền Đông Nam Bộ là nơi cư trú chủ yếu của các tộc người thiểu số. Với bàn tay cần cù, chịu thương chịu khó, tư duy sáng tạo, các thế hệ lưu dân Việt đã khai phá vùng đất này, biến nơi hoang vu, rậm rạp thành thửa ruộng, vườn cây tươi tốt. Đất đai miền Đông Nam Bộ không phụ lòng người và trở thành nơi “đất lành chim đậu” thu hút đông đảo lưu dân Việt đến xây làng lập ấp, dựng chợ mua bán. Chợ miền Đông Nam Bộ ra đời khi dân cư ngày một đông đúc, hoạt động giao thương, trao đổi, mua bán hàng hoá giữa cư dân trong vùng hình thành. Đến cuối thế kỷ XVII, ở miền Đông Nam Bộ “đất đai mở rộng 1.000 dặm, số dân hơn 40.000 hộ, chiêu mộ những lưu dân từ Bồ Chánh châu trở vô Nam cùng người Hoa, các tộc người khác đến ở khắp nơi, đặt ra phường ấp xã thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh điền và lập hộ tịch đinh điền. Từ đó, con cháu người Tàu ở nơi Trấn Biên thì lập xã Thanh Hà, ở nơi Phiên Trấn thì lập xã Minh Hương rồi chép vào sổ hộ tịch”<sup>5</sup>. Khi dân cư đông đúc, hoạt động sản xuất nông nghiệp, khai thác lâm thổ sản, thủy sản diễn ra ngày một nhiều. Chợ dân sinh ở miền Đông Nam Bộ lần lượt ra đời nhằm thỏa mãn nhu cầu trao đổi sản phẩm của người dân. Chợ nơi đây ban đầu diễn ra hình thức trao đổi hàng hóa giữa những người sản xuất với nhau nhằm đáp ứng nhu cầu sinh kế hàng ngày. Dần dà hình thành một bộ phận dân cư chuyên môn hóa trong buôn bán, hình thành tầng lớp tiểu thương. Trong xã hội phong kiến, tiểu thương được thừa nhận là một trong bốn tầng lớp của xã hội “sĩ, nông, công, thương”. Như vậy, chợ là nhân tố

---

<sup>5</sup> Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập trung dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, NXB Nha Văn hóa - Phú Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, tr.12

quyết định sự hình thành tầng lớp tiểu thương buôn bán trao đổi hàng hóa trong xã hội. Khi hệ thống chợ phát triển, số lượng tiểu thương mưu sinh qua buôn bán trao đổi hàng hóa tăng dần. Tiểu thương sinh kế bằng nghề buôn bán không chỉ nuôi sống bản thân, gia đình mà còn là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất phát triển, giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng người, góp phần ổn định chính trị, xã hội địa phương. Cùng với việc sản xuất hàng hóa đã hình thành hệ thống chợ ở miền Đông Nam Bộ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh kế của cư dân nông, lâm, ngư nghiệp và thủ công nghiệp. Miền Đông Nam Bộ trở thành đầu mối giao dịch hàng hóa nhiều nơi với hệ thống chợ ven sông, kênh rạch, đường giao thông thuận lợi đối với đông đảo tiểu thương tham gia buôn bán. Người dân Nam Bộ nói chung, miền Đông Nam Bộ nói riêng không kì thị người sinh kế qua buôn bán với “tâm lý của người nông dân Nam Bộ được thể hiện rõ qua câu ca dao quen thuộc đã đi vào lòng người bao thế hệ: Đạo nào vui bằng đạo đi buôn, xuống biển lên nguồn gạo chợ nước trong”<sup>6</sup>.

Vùng đất Sài Gòn - Gia Định với thiên phú của tạo hóa trở thành nơi “đất lành chim đậu” đối với các thế hệ di dân người Việt, người Hoa định cư khai hoang, phục hóa, xây dựng làng xóm, mở mang chợ búa giao thương hàng hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh kế trên quê hương mới. Ngoài các chợ có quy mô hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa nhộn nhịp như chợ Bến Thành, Chợ Lớn,... vùng đất Sài Gòn - Gia Định còn nhiều chợ đã hình thành, phát triển đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương, góp phần giải quyết sinh kế đối với tiểu thương buôn bán ở chợ và người sản xuất. Theo Trần Nhật Vy, chợ Bà Queo nằm trên đường đất của dòng họ Nguyễn Ảnh thuộc làng Tân Sơn Nhì, ở một khúc quanh của đường thiên lý xưa từ Sài Gòn đi Tây Ninh; nằm ngay ngã ba đường từ Củ Chi - Hóc Môn xuống Sài Gòn - Chợ Lớn. Với vị trí tiện lợi như thế, có thời

---

<sup>6</sup> Ngô Văn Lệ (2009), *Văn hóa người Việt Nam Bộ: Truyền thống và biến đổi*. Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ với mấy vấn đề tiền trình lịch sử xã hội, NXB Thế giới, tr.348.

gian chợ Bà Queo rất sung mãn và là chợ đầu mối về hàng bông của Thành phố. Từ khi trời sụp tối, chợ bắt đầu họp, các bạn hàng từ trung tâm Thành phố đổ về và người bán hàng từ Củ Chi, Hóc Môn, Đức Hòa, Trảng Bàng,... đến chợ. Chợ đông đúc nhất vào khoảng 2-3 giờ sáng và tới mờ sáng thì vãn. Sau đó, là chợ bình thường buôn bán hàng hóa, thực phẩm thông dụng cho nhân dân trong vùng. Địa danh chợ Bà Queo được lý giải, vì chợ nằm gần khúc quanh của đường thiên lý nên gọi là Bà Queo<sup>7</sup>. Qua sự mô tả của Trần Nhật Vy đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa “sung mãn” ở chợ Bà Queo, chúng tỏ giới thiệu thương buôn bán cố định tại chợ khá đông đảo, giới thương hồ, người dân sản xuất từ nhiều nơi trong nội và ngoại thành tụ hội về chợ này rất đông đúc, nhộn nhịp người mua kẻ bán. Đồng thời, thời gian hoạt động của chợ này khá độc đáo suốt cả ngày và đêm với số lượng lao động thường xuyên sầm uất, giải quyết sinh kế đối với đông đảo người dân. Trải qua thăng trầm của thời cuộc, chợ Bà Queo xưa được xây dựng lại khoảng năm 1973-1974 tại một địa điểm mới và đổi tên thành chợ Võ Thành Trang, địa chỉ số 523, đường Trường Chinh, Phường 14, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh. Còn chợ Bà Queo xưa vốn sầm uất, nhộn nhịp người mua kẻ bán trở thành một ngôi chợ chồm hồm tự phát ven lộ nằm ngoài sự quản lý của Nhà nước.

Vùng đất Sài Gòn - Gia Định có nhiều kênh, rạch giúp giao thông thuận lợi thuở ban đầu đối với cư Việt, Hoa khai khẩn nơi này. Một trong những rạch của vùng này có nhiều chợ được hình thành, phát triển đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân địa phương là rạch Thị Nghè. Rạch này được Trịnh Hoài Đức mô tả trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí* với “sông Bình Trị tục gọi là sông Bà Nghè ở địa phận tổng Bình Trị về phía Bắc trấn, từ sông Tân Bình quanh sau trấn lý đến cầu Ngang, ngược dòng lên Tây độ 4 dặm rưỡi đến cầu Cao Miên, chảy về Tây Bắc độ 2 dặm đến chợ Bà Chiêu, chảy về phía Nam

---

<sup>7</sup> Trần Nhật Vy (2015), *Từ Bến Nghé tới Sài Gòn*, NXB Văn hóa - Văn nghệ, tr.280